



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

-----o0o-----

Số: 40.2024/HHA/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----☉☉-----

TP.HCM, ngày 31 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hungchau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Quang Chính – Tổng Giám đốc.
7. Nội dung công bố thông tin: Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu công bố thông tin Bàn cáo bạch.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: <https://himex.vn>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. *lh*

* Tài liệu đính kèm:

Bàn cáo bạch.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VŨ QUANG CHÍNH

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

(Quyển 1/2)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000, cấp thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 113/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 07 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngàytháng năm 2024, tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở chính: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 39741135 - (028) 39741136 Fax: (028) 3974 1280

Website: <https://himex.vn/>



FPT Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 19006446 Fax: (024) 3773 9058

Chi nhánh TP. HCM: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Vũ Quang Chính

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (028) 39741135 - (028) 39741136

Fax: (028) 39741280

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000, cấp thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 113 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 07 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngàytháng năm 2024, tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở chính: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 39741135 - (028) 39741136 Fax: (028) 3974 1280

Website: <https://himex.vn/>



FPT Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 19006446 Fax: (024) 3773 9058

Chi nhánh TP. HCM: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Vũ Quang Chính

Điện thoại: (028) 39741135 - (028) 39741136

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Fax: (028) 39741280





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000, cấp thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	13.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	23.484.144 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán (theo mệnh giá)	:	234.841.440.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn tỷ tám trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng)



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3910 4881 Fax: (028) 3820 6881

Website: <http://aascn.com.vn/>



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Trụ sở chính: 386/51, Đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3526 1357 - 3526 1358 Fax: (028) 3526 1359

Website: www.saovietaudit.com



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 5944-3820 5947 Fax: (028) 3820 5942

Website: www.aacs.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN TP. HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446 Fax: 024 3773 9058

Chi nhánh TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446 Fax: 028 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1. Tổ chức phát hành.....	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	9
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	11
5. Rủi ro pha loãng.....	12
6. Rủi ro Quản trị Công ty.....	14
7. Rủi ro khác.....	14
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	18
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	19
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	20
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	26
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	28
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	32
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	32
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	33
10. Hoạt động kinh doanh.....	34
11. Chính sách đối với người lao động.....	73
12. Chính sách cổ tức.....	77
13. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	77
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	77



15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	77
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	77
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH...78	
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	78
2. Tình hình tài chính.....	81
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	94
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	96
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	106
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	106
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	106
3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn.....	110
4. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	112
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	134
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	142
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	142
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	142
2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn.....	147
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	148
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ 149	
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	150
XIII. PHỤ LỤC.....	151



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2023 của Công ty.....	33
Bảng 2. Bảng cơ cấu Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm.....	36
Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm.....	38
Bảng 4: Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm	39
Bảng 5. Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty	43
Bảng 6. Giá trị tài sản cố định thuê tài chính của Công ty	45
Bảng 7. Giá trị tài sản cố định vô hình của Công ty.....	46
Bảng 8. Bảng cơ cấu Doanh thu thuần theo thị trường hoạt động	48
Bảng 9. Các hợp đồng lớn của Công ty.....	51
Bảng 10. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty	58
Bảng 11. Cơ cấu người lao động của Công ty.....	74
Bảng 12. Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh	78
Bảng 13. Bảng tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty	81
Bảng 14. Bảng Nợ vay của Công ty.....	84
Bảng 15. Bảng tình hình công nợ phải thu.....	85
Bảng 16. Bảng Tình hình công nợ phải trả.....	86
Bảng 17. Bảng các khoản phải nộp năm của Công ty.....	88
Bảng 18. Bảng Trích lập các quỹ của Công ty.....	90
Bảng 19. Bảng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	96
Bảng 20. Các Hợp đồng sản phẩm/dịch vụ SJ1 mua của đối tác	100
Bảng 21. Các Hợp đồng sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp cho khách hàng.....	103
Bảng 22. Bảng Cổ đông là tổ chức của Công ty	106
Bảng 23. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn.....	110

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 –2023.....	5
Hình 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	20



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Từ Thanh Phụng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Quang Chính	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM

Đại diện: Ông Đinh Quang Thuận Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Giấy uỷ quyền số: 108 - 2021/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 21/12/2021

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành, chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 329 - 2022/TVTC/FPTS-HCM & SJ1 ngày 16 tháng 11 năm 2022 với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, sau đây gọi tắt là “Công ty”, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản. Rủi ro kinh tế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân. Trong 10 năm trở lại đây kể từ khi hoàn thành các vòng đàm phán để chính thức gia nhập WTO, kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA hay RCEP mà Việt Nam tham gia đã và đang tạo



những cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở rộng thị trường thông qua các biện pháp cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ rào cản thương mại cũng như tiếp cận với dòng vốn đầu tư quy mô lớn và nguồn lực lao động chất lượng cao. Bên cạnh đó, Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn nhờ sự cải thiện của môi trường đầu tư và kinh doanh.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 –2023



Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Cùng với đó là những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiểm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định v.v.... đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, trong đó, quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71% và quý IV tăng 5,92%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế. Ngành nông nghiệp tăng 2,88%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 6,13%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,43%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm.

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga - Nga - Ukraine diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung Đông đã tác động tiêu



cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau dịch Covid-19. Kết thúc năm 2023, GDP nước ta tăng 5,05% so với năm trước, chi cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng tích cực, trong đó kim ngạch xuất khẩu một số nông sản tăng cao, chăn nuôi phát triển ổn định, ứng dụng mô hình công nghệ cao trong nuôi tôm thẻ chân trắng đã đem lại hiệu quả kinh tế. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2023 tăng 3,88% so với năm trước, đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,74% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,71%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất thương mại dịch vụ nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua tương đối ổn định, Việt Nam trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, từ đó đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Cùng với đó tình hình dịch bệnh tại Việt Nam đã từng bước được đi vào kiểm soát, nhu cầu tiêu dùng và chi tiêu dần quay trở lại.

SJ1 là doanh nghiệp hoạt động sản xuất chế biến các sản phẩm thủy sản, bao gồm các sản phẩm đóng hộp và sản phẩm đông lạnh, và phân phối các sản phẩm nông nghiệp, do vậy nền kinh tế quay trở lại mức tăng trưởng là một dấu hiệu tốt, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định. Tuy nhiên với những biến động khó lường của nền kinh tế thế giới trong những năm tới, tình hình hoạt động trong năm 2024 của SJ1 được dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn.

1.2 Lạm phát

Lạm phát là một chỉ báo đánh giá sự ổn định của nền kinh tế. Yếu tố lạm phát trong nền kinh tế quyết định rất lớn đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hiện nay. Mọi thay đổi trong biến động giá cả hàng hóa đều ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào. Lạm phát tăng khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và đối với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng.

Năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất. Kết thúc năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,15% so với năm trước, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Chính phủ. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021. Tuy nhiên, CPI hàng tháng so với cùng kỳ năm trước có xu hướng tăng dần.



Năm 2023, mặc dù tình kinh tế thế giới cũng như tại Việt Nam gặp nhiều khó khăn, các chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2023 tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả trên, thể hiện sự nỗ lực lớn của Chính phủ, Quốc hội trong việc chỉ đạo thực hiện đồng bộ các chính sách tài khóa, tiền tệ, trong đó phải kể đến việc chỉ đạo giảm liên tiếp 04 lần lãi suất điều hành, chính sách miễn, giảm lãi suất, giãn, hoãn, cơ cấu lại nợ và thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, cùng với đó là tập trung chỉ đạo xử lý các ngân hàng yếu kém, các dự án, doanh nghiệp thua lỗ đã kéo dài nhiều năm; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những vấn đề phức tạp phát sinh.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản, trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công và lãi vay.

1.3 Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

SJ1 có sử dụng vốn vay từ các tổ chức tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó chủ yếu là vốn vay từ các ngân hàng. Do đó, những biến động về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

Trong 9 tháng đầu năm 2022, lãi suất điều hành của Việt Nam được giữ nguyên như trong năm 2021 bất chấp việc FED liên tục tăng lãi suất điều hành. Nhưng đến thời điểm cuối tháng 9 và cuối tháng 10 năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN Việt Nam) đã có hai lần liên tiếp tăng lãi suất điều hành, mỗi lần tăng 1%, đưa lãi suất về tương đương giai đoạn trước dịch. Ngày 22/09/2022, NHNN Việt Nam đã lần đầu tiên tăng lãi suất điều hành, với lãi suất tái cấp vốn từ 4% tăng lên 5% và lãi suất chiết khấu từ 2,5% tăng lên 3,5%. Ngày 24/10/2022, NHNN Việt Nam quyết định nâng các loại lãi suất điều hành thêm 1%/năm nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và tiền tệ. Cụ thể, tăng lãi suất tái cấp vốn từ 5%/năm lên 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,5%/năm lên 4,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng từ 6%/năm lên 7%/năm. Chính sách tăng lãi suất của NHNN Việt Nam là phù hợp trước áp lực tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với USD trong giai đoạn quý 3 năm 2022 tăng cao.



Năm 2023, các Ngân hàng Trung ương trên thế giới tiếp tục duy trì chính sách lãi suất thắt chặt để kiểm chế lạm phát. Ngày 26/07/2023, FED đã tăng lãi suất thêm 0,25%, nâng lãi suất cơ bản lên mức 5,25% - 5,5%, mức cao nhất trong vòng 22 năm. Đây là lần tăng lãi suất thứ 11 của FED kể từ tháng 3/2022. Ngày 14/09/2023, Ngân hàng Trung ương Châu Âu cũng tăng lãi suất thêm 0,25%, đưa lãi suất tái cấp vốn lên 4,25%, lãi suất tiền gửi lên 4% và lãi suất cho vay lên 4,5% và là mức lãi suất cao nhất từ khi đồng Euro ra đời.

Tuy nhiên, trước tình hình kinh tế có dấu hiệu khó khăn, để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, Ngân hàng Nhà nước đã 02 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành trong tháng 3/2023, nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, cụ thể: lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 6%/năm xuống 5,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 5,0%/năm xuống 4,5%/năm... Tiếp đó, trong tháng 5 và tháng 6/2023, NHNN tiếp tục 2 lần giảm lãi suất điều hành. Cụ thể, trong đợt 4 (hiệu lực từ 19/6/2023), lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 5% xuống 4,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn để phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 4,5%/năm xuống 4%/năm... Qua đó, cho thấy Chính phủ đang triển khai nhiều biện pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, vừa kiểm soát lạm phát, nhưng cũng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do đặc thù kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và chế biến, đóng hộp thủy hải sản, Công ty thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn để tài trợ nguồn vốn lưu động, hoạt động Công ty bị ảnh hưởng khá nhiều từ những sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường. Vì vậy, đứng trước áp lực của lạm phát và tỷ giá, mức lãi suất điều hành biến động liên tục sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

1.4 Rủi ro Tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Trong năm 2022, tình hình kinh tế Thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung có nhiều sự biến động. Ngay sau động thái tăng mạnh lãi suất lần thứ 5 của FED (ngày 21/9/2022), ngày 22/9/2022, NHNN đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành. Ngày 24/10/2022, NHNN tiếp tục tăng các mức lãi suất điều hành thêm 1%. Sau quyết định tăng mạnh lãi suất vào 21/9/2022, Chỉ số đo giá trị đồng USD so với những đồng tiền chính trên thị trường - USD Index - tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong 2 thập kỷ là 111,65 điểm. Đến tháng 09/2022, USD index đã tăng gần 20% so với cuối năm ngoái. Với việc lãi suất của Mỹ tăng thêm nữa trong thời gian dài sẽ tiếp tục hỗ trợ đồng USD tăng giá trong một thời gian nữa. Trong năm 2022, tỷ giá USD/VND tiếp diễn theo xu hướng ngày càng gia tăng, điều này đặt áp lực lên tỷ giá đồng VNĐ.

Năm 2023, bất chấp việc áp dụng chính sách tiền tệ khác biệt với FED, tỷ giá USD/VND trong



7 tháng đầu năm vẫn ổn định dưới mức 23.600 nhờ vào cán cân thương mại hàng hóa 8 tháng đầu năm thặng dư 20,19 tỷ USD, gấp 3,84 lần so với 5,26 tỷ USD cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, từ đầu tháng 8, tỷ giá USD/VND đã dần tăng trở lại, vượt mốc 24.000 và duy trì trên ngưỡng, chỉ số đo giá trị đồng USD đã tăng 3,93%, từ 89,21 điểm đầu năm lên 92,72 điểm vào cuối tháng 8. Tính đến giữa tháng 9, lãi suất bình quân liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm bằng tiền đồng chỉ còn 0,16%, trong khi bằng đô la Mỹ lên đến 5,04%, chênh lệch mở rộng đến 4,88%. Trước tình hình tỷ giá biến động bất thường, NHNN đã thực hiện hút tiền đồng thông qua kênh tín phiếu, hỗ trợ tỷ giá không chệch khỏi tỷ giá trung tâm.

Hiện tại, doanh thu từ mảng xuất khẩu của Công ty tại năm tài chính 2022 và năm tài chính 2023 lần lượt chiếm 20,05% và 17,38% doanh thu với lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD. Vì vậy, việc thay đổi tỷ giá sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Có thể nói rủi ro tỷ giá là loại rủi ro thường xuyên gặp và đáng lo ngại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục thuế vv... và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi Công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

Ngoài ra, SJ1 là doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng khoảng 20,05% doanh thu trong năm tài chính 2022 và chiếm khoảng 17,38% tính đến hết năm tài chính 2023, vì vậy, rủi ro do thay đổi chính sách nhập khẩu của các nước trên thế giới mà Công ty xuất khẩu sản phẩm thủy sản ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất khẩu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

- **Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào:**



Đối với lĩnh vực hoạt động sản xuất thương mại về các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản của Công ty, yếu tố chi phí đầu vào như nguyên liệu sản xuất chính: tôm nguyên liệu, cá tra, bạch tuộc,... và nguyên liệu phụ như: thùng, hộp, túi, khay nhựa,... có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của Công ty.

Theo Tổng Cục Thống kê, tính chung năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 9.312,3 nghìn tấn, tăng 2,2% so với năm trước; bao gồm: Cá đạt 6.612,6 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 1.356,1 nghìn tấn, tăng 5%; thủy sản khác đạt 1.343,6 nghìn tấn, tăng 1,7%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 5.455,8 nghìn tấn, tăng 4,2% so với năm trước, bao gồm: Cá đạt 3.631,4 nghìn tấn, tăng 3,7%; tôm đạt 1.211,6 nghìn tấn, tăng 5,8%; thủy sản khác đạt 612,8 nghìn tấn, tăng 4,8%. Sản lượng tôm nước lợ tăng trưởng cao do áp dụng mô hình công nghệ cao đối với tôm thẻ chân trắng mang lại hiệu quả kinh tế. Sản lượng tôm thẻ chân trắng 2023 ước đạt 858,6 nghìn tấn, tăng 7,1% so với năm 2022. Sản lượng tôm sú ước đạt 275 nghìn tấn, tăng 2% so với năm trước. sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.856,5 nghìn tấn, giảm 0,5% so với năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.981,2 nghìn tấn, giảm 0,4%; tôm đạt 144,5 nghìn tấn, giảm 0,8%, thủy sản khác đạt 730,8 nghìn tấn, giảm 0,8%. Khai thác thủy sản biển năm 2023 giảm do thực hiện khai thác bền vững đảm bảo tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên, đồng thời công tác phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp dẫn được thực hiện nghiêm túc. Sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 3.643,9 nghìn tấn, giảm 0,7% so với năm trước, trong đó: Cá ước đạt 2.846,1 nghìn tấn, giảm 0,5%; tôm ước đạt 135,1 nghìn tấn, giảm 1,5%.

Nuôi trồng cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long phát triển do các yếu tố tự nhiên thuận lợi và kinh nghiệm nuôi đã được tích lũy qua nhiều năm cùng với nhu cầu thị trường xuất khẩu lớn. Sản lượng tôm nuôi 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước do hiệu quả từ ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, siêu thâm canh. Trong những tháng đầu năm 2023, giá thức ăn chăn nuôi trung bình với chiều hướng tăng cao. Trong khi giá thức ăn chiếm 65-70% giá thành phẩm. Ngoài ra, các chi phí đầu vào cho sản xuất thủy sản như bao bì, hóa chất, vận chuyển, carton... đều tăng. Do đó, để chủ động nguyên vật liệu có chất lượng cho hoạt động sản xuất. Công ty đã thực hiện chính sách mua hàng trực tiếp tại nơi sản xuất và các nhà cung cấp lâu năm, đồng thời tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới ở nhiều tỉnh thành khác nhau, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đúng tiến độ.

- **Rủi ro về thị trường tiêu thụ và sức ép cạnh tranh**

Với mảng hoạt động thủy sản, rủi ro về thị trường tiêu thụ xảy ra khi Công ty mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do tác động của các yếu tố bên ngoài, hoặc do sản phẩm, chính sách của Công ty không đủ cạnh tranh. Do đó, Công ty liên tục khảo sát, đánh giá và phân tích nhu cầu thị trường, nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường, tập trung nghiên cứu, và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn để tối ưu hóa chi phí.



Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu về thực phẩm của người tiêu dùng trong và ngoài nước đang biến đổi nhanh theo hướng tăng dần với các sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng. Nếu không phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng thì có nguy cơ Công ty không bắt kịp và đáp ứng nhu cầu thị trường. Với tiềm lực tài chính và năng lực sản xuất cao, các doanh nghiệp nước ngoài đang tạo ra cạnh tranh rất lớn cho SJ1 cũng như các doanh nghiệp khác trong nước. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải có chính sách đầu tư phù hợp, đẩy mạnh đầu tư vào chất lượng nguyên liệu đầu vào, máy móc thiết bị, sản phẩm đầu ra đạt chuẩn, để nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp, đồng thời có chiến lược hợp lý để tăng quy mô vốn hoạt động nhằm tăng khả năng tài chính, nâng cao hiệu quả cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty luôn phải chủ động hơn trong việc phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu thị trường một cách linh hoạt, khảo sát, đánh giá và phân tích nhu cầu thị trường, nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường, tập trung nghiên cứu, và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn để tối ưu hóa chi phí.

Bước qua năm 2024 sẽ vẫn còn đó những thách thức làm cản trở sự tăng trưởng của ngành thủy sản nói chung và đối với CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng, đòi hỏi Ban lãnh đạo của SJ1 phải lên kế hoạch ứng phó đối với những biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về đợt chào bán

❖ Rủi ro về đợt chào bán

Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, cung cầu thị trường chứng khoán,... Do vậy, khi thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán và giá cổ phiếu của Công ty sau này.

Toàn bộ phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 ngày 24/12/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01.2023/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/08/2023. Ngày 29/12/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 thông qua về việc Tiếp tục thực hiện Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định. Do đợt chào bán không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán.

- Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến

Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng cổ phần huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các nguồn tài trợ bổ sung khác hoặc xin ý kiến ĐHĐCĐ huy động vốn bằng hình thức khác, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty và quy định của pháp luật.



- *Phương án xử lý số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua*

Việc xử lý cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.

- ✓ Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có) được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối, giá chào bán (với điều kiện phải lớn hơn hoặc bằng 13.000 đồng/cổ phiếu) và số lượng cổ phiếu phân phối lại này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- ✓ Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành. Khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- ✓ Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS (Earning per share)
- ✓ Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BV (Book value)
- ✓ Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- ✓ Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

5.1 Rủi ro pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS \text{ pha loãng} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS_{pha loãng}: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau đợt chào bán)



Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do tốc độ tăng của lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán. (Do việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán có thể chưa tạo ra ngay lợi nhuận cho Công ty).

5.2 Rủi ro pha loãng BV

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{NVCSH}{Q-CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 với giá 13.000 đồng/cổ phiếu thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

5.3 Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành, chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu).

5.4 Rủi ro pha loãng của giá cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá tham chiếu cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP chào bán thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu chào bán thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu SJ1 tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới để tăng vốn điều lệ.
- PR_{t-1} : là giá đóng cửa của cổ phiếu SJ1 tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR: là giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (PR=13.000 đồng/cổ phiếu)

Lưu ý:

Căn cứ điểm a khoản 4 điều 32 Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết (Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao



dịch Chứng khoán Việt Nam): Trường hợp Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có) thì Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

6. Rủi ro Quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu khi tăng vốn là chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác phù hợp với quy định của pháp luật. Sự tham gia của các cổ đông mới có thể làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành quản trị kinh doanh. Đối với đợt chào bán này, trong trường hợp phải phân phối cổ phần cho các đối tượng khác, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư có cùng tầm nhìn chiến lược, định hướng kinh doanh để có thể chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau phát triển trong dài hạn.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã nêu, Công ty có thể gặp những rủi ro bất ngờ như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ, cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

- | | |
|--------------|--|
| Bản cáo bạch | : Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. |
| Điều lệ | : Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 thông qua. |
| Cổ phần | : Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau |
| Cổ phiếu | : Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu. |



Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nghĩa như sau:

Tổ chức phát hành/Công ty/SJ1	: Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
FPTS/Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
UBKT	: Ủy ban kiểm toán
ROA	: LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	: LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
EPS	: Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
TNDN	: (thuế) Thu nhập doanh nghiệp
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
VĐL	: Vốn điều lệ
DTT	: Doanh thu thuần
BCTC	: Báo cáo Tài chính
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCKHN	: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
VSDC	: Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
- Tên tiếng Anh: HUNG HAU AGRICULTURAL CORPORATION
- Trụ sở chính: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 3974 1135- (028) 3974 1136 Fax: (028) 3974 1280



- Website: <https://himex.vn/>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023
- Vốn điều lệ: 234.851.540.000 đồng



- Logo:
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Thanh Phụng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Quang Chính - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Nhà nghề kinh doanh đã đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh:

STT	(Mã) Tên ngành, nghề kinh doanh
1	1020 (Chính) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản
2	(0322) Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở)
3	(1010) Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản
4	(1030) Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản
5	(4690) Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hoá, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hoá chất, công nghệ phẩm
6	(3320) Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp.
7	(4321) Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt công trình hệ thống điện
8	(4620) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, bán buôn hoa và cây, bán buôn động vật sống, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia



STT	(Mã) Tên ngành, nghề kinh doanh
	cắm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở)
9	(4632) Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)
10	(6619) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)
11	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chi thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản)
12	(4322) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt công trình điều hòa không khí. (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước (sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)
13	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)
14	(8541) Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở)
15	(8542) Đào tạo thạc sĩ (không hoạt động tại trụ sở)
16	(8543) Đào tạo tiến sĩ (không hoạt động tại trụ sở)
17	(4101) Xây dựng nhà để ở
18	(4102) Xây dựng nhà không để ở
19	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng



2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

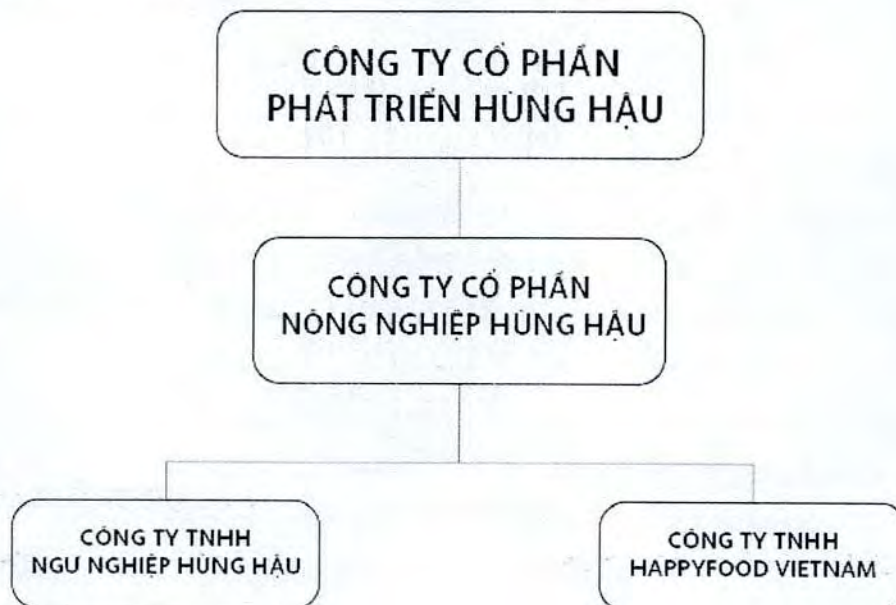
- Năm 1988: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu có tiền thân là Xí nghiệp Mật Hàng Mới hay Factory No.1 được thành lập, là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu Thủy sản.
- Năm 2000: Xí nghiệp Mật Hàng Mới được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy Sản số 1 (tên giao dịch: SEAJOCO VIETNAM) với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.
- Năm 2006: Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SJ1. Đây được coi là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu của SJ1.
- Năm 2007:
 - Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lần đầu tiên lên 35 tỷ đồng, đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình tăng quy mô, mở rộng hướng đầu tư để giúp Công ty phát triển bền vững hơn.
 - Xây dựng Nhà máy Thủy sản số 1 – Khu công nghiệp Tân Phú Trung.
- Năm 2009: Cổ phiếu SJ1 chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Năm 2011: Công ty thực hiện chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 38,5 tỷ đồng.
- Năm 2014: Công ty tăng vốn điều lệ lên 55,8 tỷ đồng bằng việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Năm 2015:
 - Ngày 01/06/2015: Đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1 thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
 - Ngày 28/08/2015: Đổi tên miền website của Công ty từ www.seajoco.vn sang <http://agri.hunghau.vn/>
 - Tăng vốn điều lệ lên 77,5 tỷ đồng thông qua 3 đợt phát hành. Đợt 1 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt 2 và đợt 3 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu theo chương trình phát hành cho người lao động (ESOP).
- Năm 2016:
 - Tăng vốn điều lệ lên 104,6 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu, tổng giá trị vốn góp là 42,3 tỷ đồng, chiếm 65% vốn điều lệ.



- Năm 2017:
 - Tăng vốn điều lệ lên 187,8 tỷ đồng thông qua bằng việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và trả cổ tức bằng cổ phiếu.
 - Xây dựng tòa nhà SJ1 OFFICE.
- Năm 2018: Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 199,1 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Năm 2019:
 - Tăng vốn điều lệ lên 211,01 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Thành lập nhà máy Thủy sản Sa đéc Đồng Tháp (HAF).
 - Thành lập văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- Năm 2020: Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 221,5 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.
- Năm 2022: Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 234,8 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2021.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán. Công ty cổ phần Phát triển Hùng Hậu là công ty mẹ (sở hữu 51,287% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) của SJ1. Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu có 02 Công ty con là: Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu và Công ty TNHH Happyfood Vietnam.



Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu



Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3974 1135- (028) 3974 1136

Fax: (028) 3974 1280

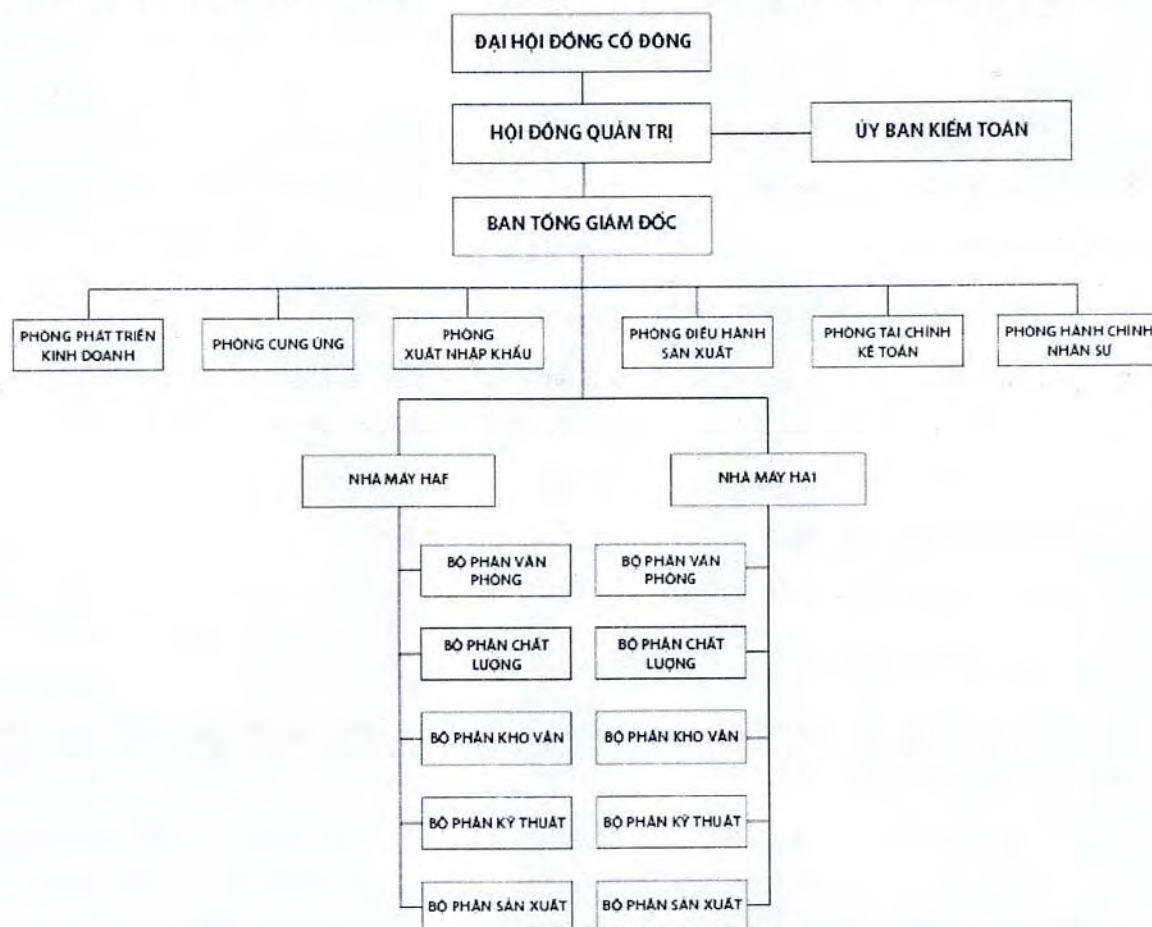
Website: <https://himex.vn/>

Các Công ty con:

- Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu: Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp
- Công ty TNHH Happyfood VietNam: Lô CIV – 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu



Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Hình 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu



Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.

- Tổ chức bộ máy Công ty bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

Hội đồng quản trị: HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với với số nhiệm kỳ không hạn chế, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên:

1. Ông Từ Thanh Phụng Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Minh Nguyệt Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Vũ Quang Chính Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4. Bà Huỳnh Thanh Thành viên HĐQT
5. Bà Lê Thị Thùy Phương Thành viên HĐQT độc lập

Ủy ban kiểm toán: Do Hội đồng quản trị thành lập để kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Nhiệm vụ, chức năng của Ủy ban kiểm toán được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Ủy ban kiểm toán của Công ty hiện nay gồm 02 thành viên:

1. Bà Lê Thị Thùy Phương Chủ tịch UBKT
2. Bà Huỳnh Thanh Thành viên UBKT

Ban Tổng Giám đốc: Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc Công ty có 06 người, gồm 01 Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc

- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- **Phó Tổng Giám đốc:** Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Đồng thời, trực



tiếp chỉ đạo các hoạt động của từng phòng ban trong toàn công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 06 thành viên:

1. Ông Vũ Quang Chính Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Bà Nguyễn Yến Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Văn Dol Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thu Trang Phó Tổng Giám đốc
5. Bà Nguyễn Việt Thúy An Phó Tổng Giám đốc
6. Ông Lê Phạm Công Hoang Phó Tổng Giám đốc

Phòng Phát triển kinh doanh

- ✓ Lập báo cáo theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm trong từng thị trường, tìm hiểu, phân tích chi ra những điểm mạnh, điểm yếu từng sản phẩm của Công ty để báo cáo cho Phó Tổng Giám đốc.
- ✓ Nghiên cứu, đánh giá để lựa chọn sản phẩm phù hợp cho từng thị trường mục tiêu.
- ✓ Tìm kiếm thị trường mới, lập kế hoạch phát triển sản phẩm sang các thị trường có nhiều tiềm năng.

Phòng cung ứng

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám Đốc trong công tác phân phối hàng hóa của công ty vào hệ thống các siêu thị. Lập báo cáo hàng tuần, hàng quý... để Phó Tổng Giám Đốc nắm được tình hình cụ thể của phòng.
- ✓ Lập kế hoạch hằng ngày và triển khai thực hiện các công tác theo lịch, điều hành phân phối nguồn nhân lực, điều phối xe chở hàng nhằm đảm bảo công tác phân phối các sản phẩm của công ty được thực hiện đúng theo yêu cầu của khách hàng.
- ✓ Tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa từng khâu: khâu vận chuyển hàng, xếp dỡ hàng vào kho của các siêu thị nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa.
- ✓ Đề xuất các biện pháp phân phối hàng hóa để tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo việc phân phối đúng theo thời gian quy định.

Phòng Xuất nhập khẩu:

- ✓ Phòng Xuất nhập khẩu phải đảm bảo hoạt động xuất hàng, nhập hàng đúng tiến độ.
- ✓ Lên kế hoạch xuất hàng, kéo cont, bố trí đóng hàng, thông quan hàng hóa.
- ✓ Hỗ trợ hoạt động nhập khẩu tôm quốc tế, làm việc với Ngân hàng phát hành LC, Bảo hiểm, thanh toán với các cont hàng nhập.



- ✓ Báo cáo dự đoán dòng tiền, doanh thu xuất khẩu theo tuần.
- ✓ Thực hiện các thanh toán kéo cont, thanh toán hàng nhập, các hoạt động thanh toán khác.
- ✓ Theo dõi booking, triển khai kế hoạch đăng ký các thủ tục để xuất khẩu hàng hóa.
- ✓ Tập hợp các chứng từ trong bộ hồ sơ hoàn thuế trả cho kế toán vào cuối tháng.
- ✓ Theo dõi tiến độ lịch tàu, tính toán thời gian, cập nhật thông tin, xử lý các tình huống phát sinh để tiến hành phát hành bộ chứng từ Xuất khẩu kịp thời.

Phòng Điều hành sản xuất

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám Đốc trong công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh và hợp đồng kinh tế.
- ✓ Quản lý, xây dựng và theo dõi các kế hoạch kinh doanh của công ty như đánh giá kế hoạch kinh doanh, kiểm tra việc thực hiện...
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ kinh tế như lập quản lý các hợp đồng kinh tế, mua bán vật tư; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; tổng hợp đánh giá hiệu quả các công trình thi công của Công ty.
- ✓ Quản lý tài sản cố định, dụng cụ thi công, vật tư, nguyên vật liệu.

Phòng Tài Chính – Kế Toán

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc trong các công tác tài chính kế toán.
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ tài chính, kế toán, hệ thống sổ sách kế toán, tổng hợp báo cáo định kỳ với các cơ quan chức năng.
- ✓ Phân tích kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn vốn của Công ty.
- ✓ Lập và theo dõi thực hiện kế hoạch tài chính định kỳ hàng quý, năm và các vấn đề phát sinh.
- ✓ Hạch toán sản xuất kinh doanh; quản lý giá thành; quản lý theo dõi thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thu hồi công nợ.
- ✓ Đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng nguồn vốn, các biện pháp quản lý có hiệu quả nhất.
- ✓ Thực hành, quản lý các hoạt động tài chính kế toán khác kịp thời, chính xác và hiệu quả nhất.

Phòng Hành chính – Nhân sự

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc công tác tổ chức, cán bộ, nguồn lực, đào tạo, bảo hộ lao động, bảo vệ nội bộ, công tác hành chính quản trị.



- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc công tác tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt cán bộ Công ty.
- ✓ Quản lý lao động, tiền lương cán bộ-công nhân viên.
- ✓ Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cho cán bộ, nhân viên và thi tay nghề công nhân toàn Công ty.
- ✓ Phối hợp với các đơn vị và các bộ phận có liên quan tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng chống tai nạn, sự cố trong sản xuất phù hợp đặc điểm của Công ty, đơn vị.
- ✓ Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ theo quy định của pháp luật và Tổng Giám đốc Công ty giao.
- ✓ Quản lý các công tác quản trị khác.

Nhà máy HAF, HA1

- ✓ **Bộ phận văn phòng:** Bộ phận Văn phòng chuyên trách nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực: Hành chính Nhân sự, Tài chính Kế toán, Thống kê. Đồng thời phối hợp tác nghiệp và ngang cấp với các Bộ phận khác.
 - **Hành chính Nhân sự:**
 - Tham mưu và hỗ trợ cho Ban Điều hành về hoạt động Hành chính Nhân sự, đảm trách thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm được giao;
 - Tham mưu cho Ban Điều hành về chính sách tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn cho Cán bộ-Nhân viên-Công nhân tại Nhà máy;
 - Tham mưu cho Ban Điều hành về công tác an ninh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.
 - Xây dựng, kiểm tra và thực hiện đơn giá tiền lương, tiền công từng công đoạn trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo tính hợp lý khi tính lương cho Cán bộ-Nhân viên-Công nhân tại Nhà máy;
 - Tổ chức thực hiện tính lương, chính sách phúc lợi, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm cho Cán bộ - Nhân viên - Công nhân tại Nhà máy;
 - Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tuyển dụng, đào tạo nhân sự theo nhu cầu phát triển tại Nhà máy;
 - Phối hợp với các Trưởng bộ phận thực hiện các yêu cầu cấp thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất chung của toàn Nhà máy.



- **Thống kê:**
 - Tham mưu và hỗ trợ cho Ban Điều hành về hoạt động Thống kê, đảm trách thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm được giao;
 - Tham mưu cho Ban Điều hành, Bộ phận Văn phòng trong việc xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý số liệu, xây dựng đơn giá tiền lương;
 - Thực hiện việc tính giá thành các mặt hàng nông sản tại Nhà máy;
 - Thực hiện đối chiếu số liệu gia công với Bộ phận Văn phòng;
 - Kiểm tra, kiểm soát số liệu từ nguyên liệu cho đến thành phẩm.
- ✓ **Bộ phận chất lượng:** thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát đảm bảo mỗi sản phẩm đều đạt chất lượng theo quy chuẩn đã đề ra.
 - **Kiểm nghiệm:**
 - Tham mưu cho Ban Điều hành Nhà máy công tác kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng và thị trường;
 - Kiểm vi sinh, kháng sinh đối với nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, nước;
 - Kiểm hóa lý đối với độ ẩm, pH, chlorine dư...
 - Kiểm tra tính chính xác của các loại giấy thử dùng trong sản xuất;
 - Theo dõi và hiệu chuẩn các loại thiết bị (nhiệt kế, cân) phục vụ cho công việc kiểm nghiệm và sản xuất trong nội bộ và gửi ra cơ quan có thẩm quyền bên ngoài;
 - Định kỳ gửi mẫu kiểm tra cơ quan chức năng thẩm tra kết quả;
 - Làm hồ sơ theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO, HACCP, BRC thuộc lĩnh vực kiểm nghiệm.
 - **Giám sát đảm bảo chất lượng (QA):**
 - Quản lý hồ sơ chất lượng: ISO, BRC, HALAL, HACCP...;
 - Tham mưu cho Ban Điều hành Nhà máy xây dựng/ ban hành các quy định; tiêu chuẩn; quy trình sản xuất đảm bảo chất lượng và giám sát thực hiện;
 - Giám sát vệ sinh công nghiệp trong sản xuất;
 - Theo dõi các đơn hàng triển khai, theo dõi mã truy xuất các đơn hàng;
 - Kiểm tra thông tin bao bì carton - PE - PA - nhãn trước khi bộ phận mua hàng tiến hành đặt in. Triển khai thông tin bao bì carton - PE - PA - nhãn cho QC và các bộ phận liên quan;
 - Định kỳ lên kế hoạch đào tạo và thực hiện đào tạo công nhân về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, thi năng bậc;



- Theo dõi thời hạn của các loại chứng nhận và liên hệ với cơ quan chức năng bên ngoài để đánh giá, cấp mới các giấy chứng nhận: ISO, BRC, HALAI, HACCP ,...;
 - Cập nhật và triển khai áp dụng các quy định, thông tư liên quan đến vấn đề chất lượng.
 - **Mẫu:**
 - Tiếp nhận và làm mẫu theo yêu cầu của khách hàng, phòng Phát triển Kinh doanh;
 - Nhân viên phát triển mẫu nông sản, đề nghị mua mẫu nông sản và đi thực tế tìm nguồn nông sản phù hợp yêu cầu;
 - Nghiên cứu để xuất thiết bị, nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ để phục vụ cho việc sản xuất mặt hàng nông sản mới;
 - Lấy định mức thu hồi sản phẩm, tính chi phí sản xuất;
 - Xây dựng quy trình sản xuất các mặt hàng nông sản;
 - Theo dõi các kết quả kiểm theo kế hoạch để ra;
 - Cung cấp và góp ý cho phòng bán hàng kích thước bao bì, PE, PA cho các đơn hàng;
 - Tham mưu cho Ban Điều hành Nhà máy định hướng phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường.
 - **Giám sát quản lý chất lượng (QC):**
 - Kiểm tra/ kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy trình của QA ban hành;
 - Đảm bảo duy trì áp dụng các quy định về kiểm soát chất lượng;
 - Phân tích các nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và đề xuất các biện pháp phòng ngừa phù hợp.
 - ✓ **Bộ phận sản xuất:**
 - Thực hiện điều phối nguồn nguyên vật liệu cho từng bộ phận của nhà máy, đảm bảo quy trình sản xuất hoạt động liên tục.
 - Điều hành các hoạt động của nhà máy từ khâu nhân sự, quá trình sản xuất đến khâu thành phẩm.
 - ✓ **Bộ phận kho vận:** đảm bảo công tác vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc được cung cấp đầy đủ để nhà máy; thành phẩm được phân phối kịp thời đến các điểm phân phối; đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối



5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu	1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM	12.044.816 cổ phiếu	51,287%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại 31/12/2023 của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

5.2 Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Công ty con: Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu

- Địa chỉ: Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản...
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ có quyền biểu quyết: 65%

Công ty con: Công ty TNHH Happyfood Vietnam

- Địa chỉ: Lô CIV – 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản nông sản và các sản phẩm từ nông sản,...
- Vốn điều lệ: 96.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ có quyền biểu quyết: 54,063%

5.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu	1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, TP HCM	12.044.816 cổ phiếu	51,287%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại 31/12/2023 của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu



6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	14/11/2007	+1.500.000.000	35.000.000.000	1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu. 2. Phát hành cho người lao động trong Công ty. 3. Phát hành cho cổ đông ngoài Công ty. 4. Phát hành cho người nước ngoài.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần 7 ngày 11/04/2007. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP ra công chúng số 151/UBCK-GCN do UBCK cấp ngày 23/08/2007. Báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng số 84/BC-TS1 ngày 08/11/2007.
2	01/12/2011	+3.500.000.000	38.500.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	Nghị quyết ĐHĐCĐ Lần thứ 12 lấy ý kiến bằng văn bản ngày 24/10/2011. Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 1877/UBCK-QLCB ngày 28/10/2011. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 01/12/2011.
3	01/07/2014	+17.332.000.000	55.832.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu.	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/09/2013. Giấy chứng nhận chào bán CP ra công chúng số 12/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 27/02/2014.



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					Báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng ngày 01/07/2014.
4	17/03/2015	+13.954.530.000	69.786.530.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/12/2014. Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 1210/UBCK-QLPH ngày 19/03/2015. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 17/03/2015.
5	24/07/2015	+7.665.310.000	77.451.840.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2015. Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 5018/UBCK-QLPH ngày 12/08/2015. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty số 22.2015/HHA/BC-CBTT ngày 07/08/2015.
6	03/08/2016	+27.101.870.000	104.553.710.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2016. Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 4310/UBCK-QLCB ngày 04/07/2016. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 29.2016/CV-CBTT ngày 03/08/2016.
7	14/09/2017	+83.252.260.000	187.805.970.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính ngày 01/10/2016 để ngày 31/12/2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2016. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP số 35/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 11/07/2017 Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng 36.2017/HHA/BC ngày 14/09/2017.
8	10/08/2018	+11.264.560.000	199.070.530.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm tài chính 2017 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính ngày 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/01/2018. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				từ nguồn vốn chủ sở hữu.	cổ tức số 06.2018/HHA-BC ngày 10/08/2018 Công văn UBCKNN số 5082/UBCK-QLCK ngày 16/08/2018 v/v nhận tài liệu Báo cáo kết quả Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và liệu Báo cáo kết quả Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
9	16/07/2019	+11.941.910.000	211.012.440.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính ngày 2019 số 01.2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/01/2019. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01A.2019/HHA-BC ngày 16/07/2019. Công văn UBCKNN số 4492/UBCK-QLCB ngày 25/07/2019 v/v nhận tài liệu Báo cáo kết quả Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
10	23/07/2020	+ 10.548.160.000	221.560.600.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính ngày 2020 số 01.2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2019. Công văn UBCKNN số 4582/UBCK-QLCK ngày 23/07/2020 v/v nhận tài



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					liệu Báo cáo kết quả Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
11	12/07/2022	+13.290.940.000	234.851.540.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2021.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính ngày 2022 ngày 25/12/2021. Công văn UBCKNN số 4438/UBCK-QLCK ngày 12/07/2022 v/v nhận tài liệu Báo cáo kết quả Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: Không có.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

7.1. Thông tin về khoản góp vốn trong 2 năm gần nhất

Trong năm tài chính 2023 và đến 31/03/2024, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Happyfood VietNam với giá trị là 51.900.000.000 đồng, chi tiết góp vốn như sau:

- Đến thời điểm 30/9/2022, số vốn góp của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tại Công ty TNHH Happyfood VietNam là: 0 đồng.
- Đến thời điểm 30/09/2023, số vốn góp của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tại Công ty TNHH Happyfood VietNam là 45.900.000.000 đồng.
- Đến thời điểm 31/03/2024, số vốn góp của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tại Công ty TNHH Happyfood VietNam là 51.900.000.000 đồng.
- Phương thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền.

7.2. Thông tin về khoản thoái vốn trong 2 năm gần nhất

Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành



**8.1 Cổ phiếu phổ thông****Bảng 1. Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2023 của Công ty**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I.	Trong nước	23.464.178	496	234.641.780.000	99,91%
-	Tổ chức	19.700.086	14	197.000.860.000	83,88%
-	Cá nhân	3.764.092	482	37.640.920.000	16,03%
II.	Nước ngoài	19.966	16	199.660.000	0,09%
-	Tổ chức	5.961	2	59.610.000	0,03%
-	Cá nhân	14.005	14	140.050.000	0,06%
III.	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0,00%
IV.	Cổ phiếu quỹ	1.010	0	10.100.000	0,00%
Tổng cộng (I+II+III+IV)		23.485.154	512	234.851.540.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 31/12/2023.

8.2 Cổ phiếu ưu đãi:

Không có

8.3 Các loại chứng khoán khác:

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật**

Căn cứ Công văn số 3624/UBCK-PTTT ngày 13/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty:

Không quy định



9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 31/12/2023 là: 0,09%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu hoạt động sản xuất chế biến các sản phẩm thủy sản, bao gồm các sản phẩm đóng hộp và sản phẩm đông lạnh, và phân phối các sản phẩm nông nghiệp. Sản phẩm của Công ty được phân phối trên thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường trong nước, Thương hiệu Seajoco đã đến tay người tiêu dùng qua thương hiệu của Pizza Hut Việt Nam, Lotteria Việt Nam, Nhà hàng Thai Express, Nhà hàng Xiên Que, BBQ Việt Nam, Metro, Lotte mart, v.v... . Ngoài ra, sản phẩm HappyFood của Công ty được phân phối qua các kênh thương mại điện tử như: Shopee, Lazada, Voso.vn, Sendo, Ấn Bạc, Vidas,... Cùng với đó, sản phẩm chế biến thủy sản mang thương hiệu Hùng Hậu cũng dần có mặt tại các thị trường xuất khẩu lớn trên thế giới và ngày càng mở rộng đối tượng khách hàng tiêu dùng.

Ở thị trường nội địa, các sản phẩm Happy Noodles với tiêu chí cung cấp những món ăn dinh dưỡng nhưng tiện lợi, tiết kiệm thời gian chế biến, phục vụ tốt nhất cho nhiều người tiêu dùng và các gia đình Việt Nam. Các sản phẩm của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu với hơn 250 mặt hàng đã có mặt tại 25 quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu. Các thị trường trọng điểm như Châu Á chiếm 56% (Hàn Quốc, Nhật bản, Đài Loan, Hongkong, Malaysia), châu Âu chiếm 41% (gồm Bỉ, Pháp, Hà Lan...), còn lại các thị trường khác chiếm 3% (Úc, Mauritius, Venezuela,...)..

Các dòng sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

• Nông nghiệp	 Bạch tuộc tẩm bột	 Bánh xèo Việt Nam	 Cá tra, cá hồi và rau củ xiên que
	 Bạch tuộc	 Cá lười trâu cuộn	 Cá tra cắt khoanh



	 <p>Cá viên</p>	 <p>Bánh khoai tây cá hồi</p>	 <p>Chả giò hải sản hạt sen</p>
	 <p>Khoai tây cuộn tôm</p>	 <p>Căng cua tằm bột</p>	 <p>Bánh Kadaif tôm</p>
	 <p>Sò điệp farci</p>	 <p>Mực tằm bột</p>	 <p>Tôm tằm xù dừa</p>
	 <p>Chuối sấy</p>	 <p>Mít sấy</p>	 <p>Khoai lang tím sấy</p>
<ul style="list-style-type: none">• Phân phối	 <p>Hệ thống siêu thị WinMart</p>	 <p>Hệ thống siêu thị Metro</p>	 <p>Hệ thống siêu thị Satrafoods</p>



	 HappyFoods Store	 Cửa hàng Winmart +	 Hệ thống siêu thị Maximark
	 Nhà hàng Xiên Que	 Lotteria Việt Nam	 Nhà hàng Thai Express

10.1.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của các nhóm sản phẩm

- Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Bảng 2. Bảng cơ cấu Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	01/10/2021- 30/09/2022		01/10/2022- 30/09/2023		% Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	1.264.588	94,95%	1.318.162	94,37%	+4,24%	662.402	87,93%
Doanh thu thuần bán hàng hóa	22.844	1,72%	0	0,00%	-100,00%	44.439	5,90%
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	44.394	3,33%	78.599	5,63%	+77,05%	46.513	6,17%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.331.826	100%	1.396.761	100%	+4,88%	753.354	100 %

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

**Hợp nhất:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	01/10/2021- 30/09/2022		01/10/2022- 30/09/2023		% Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	1.264.588	94,95%	1.318.162	94,37%	+4,24%	662.402	87,93%
Doanh thu thuần bán hàng hóa	22.844	1,72%	0	0,00%	-100,00%	44.439	5,90%
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	44.394	3,33%	78.599	5,63%	+77,05%	46.513	6,17%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.331.826	100%	1.396.761	100%	+4,88%	753.354	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Dưới bối cảnh vĩ mô biến động liên tục, kết thúc năm tài chính 2023, Công ty ghi nhận Doanh thu thuần đạt 1.396.760 triệu đồng, tăng 4,88% cùng kỳ, tiếp tục giữ vững đà tăng trong vòng 3 năm qua. Kết quả này được đóng góp phần lớn bởi sự gia tăng các đơn hàng trong nước (tăng 8,41% cùng kỳ), cụ thể trong năm, nhận thấy nhu cầu tiêu dùng các thực phẩm giá trị gia tăng đang có khả năng giảm sút bởi tình hình lạm phát tăng cao, SJ1 thực hiện chiến lược tối ưu hóa doanh thu từng nhóm sản phẩm, tập trung sản xuất những mặt hàng cốt lõi được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng như cá viên, chả giò hải sản, mực/bạch tuộc tẩm bột, cá tra/cá hồi cắt khoanh, nui, mì rau củ,... Về phía phân phối, cùng với sự mở rộng của chuỗi siêu thị bán lẻ, các mặt hàng của SJ1 được bày bán tại cửa hàng được tiếp cận nhiều hơn đến người tiêu dùng tiềm năng, tạo cơ hội mở rộng tệp khách hàng. Về thị trường xuất khẩu, doanh thu có xu hướng giảm nhẹ, phần lớn đến từ tình hình lạm phát toàn cầu nửa đầu năm ảnh hưởng mạnh đến sức mua của các thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường Châu Âu. Do đó, mặc dù SJ1 có sự tăng trưởng doanh thu nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra (93,12%) do kết quả từ thị trường xuất khẩu không đạt kỳ vọng.

Trong cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, chiếm tỷ trọng lớn nhất là



doanh thu thuần về bán thành phẩm với gần 94,37%, tăng 4,24% và đạt 1.318.162 triệu đồng năm tài chính 2023. Nguồn thu còn lại là Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ với 5,63%, tăng 77,05% so với năm trước. Riêng đối với Doanh thu thuần bán hàng hóa, trong năm tài chính 2023 Công ty không phát sinh khoản mục này. Tính đến quý II của năm tài chính 2024, SJ1 ghi nhận doanh thu thuần từ bán thành phẩm và hàng hóa đạt giá trị lần lượt là 662.402 triệu đồng và 44.439 triệu đồng, chiếm 87,93% và 5,9% so với tổng doanh thu thuần. Việc gia tăng sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ lần lượt tăng là 7% và 10% so với quý 2 năm tài chính 2023 giúp cho Công ty tăng trưởng về doanh thu và đạt được 48% so với kế hoạch năm tài chính 2024.

Nhìn chung, với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, tổng doanh thu của Công ty vẫn tăng trưởng. Đạt được điều này là nhờ vào trong năm Công ty duy trì mối quan hệ khách hàng thân thiết, đồng thời cùng sự nỗ lực để mở rộng thêm thị phần trong và ngoài nước, góp phần ổn định và tăng trưởng doanh thu cho Công ty.

- Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các các năm:

Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	01/10/2021- 30/09/2022		01/10/2022- 30/09/2023		% Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	53.773	4,25%	60.783	4,61%	+13,04%	24.823	3,75%
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	11.887	52,04%	0	0	-100,00%	8.931	20,10%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	20.678	46,58%	37.936	48,27%	+83,46%	20.947	45,04%
Tổng lợi nhuận gộp	86.338	6,48%	98.719	7,07%	+14,34%	54.701	7,26%

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

**Hợp nhất:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		% Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	53.773	4,25%	60.783	4,61%	+13,04%	24.823	3,75%
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	11.887	52,04%	0	0	-100,00%	8.931	20,10%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	20.678	46,58%	37.936	48,27%	+83,46%	20.947	45,04%
Tổng lợi nhuận gộp	86.338	6,48%	98.719	7,07%	+14,34%	54.701	7,26%

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Biên lợi nhuận gộp của Công ty duy trì ổn định và cải thiện trong năm tài chính 2023, từ 6,48% năm tài chính 2022 lên 7,07% năm tài chính 2023, đặc biệt là mảng bán thành phẩm và mảng cung cấp dịch vụ của Công ty. Nguyên nhân chủ yếu là do Lợi nhuận gộp của SJ1 năm tài chính 2023 đạt 98.719 triệu đồng, tăng 14,34% so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ cao hơn so với tốc độ tăng của chi phí giá vốn hàng bán. Trước tình hình đó, Công ty đã theo dõi liên tục các biến động trên thị trường để có các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Chi phí sản xuất kinh doanh**Bảng 4: Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm**

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty các năm gần đây được thể hiện như sau:

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		%Tăng/g iảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	1.245.488	93,52%	1.298.041	92,93%	+4,22%	698.653	92,74%
Chi phí tài chính	47.528	3,57%	61.168	4,38%	+28,70%	27.761	3,68%



Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		%Tăng/giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT		Giá trị	Tỷ trọng/DTT
- Trong đó: Chi phí lãi vay	38.231	2,87%	54.692	3,92%	+43,06%	23.940	3,18%
Chi phí bán hàng	17.939	1,35%	13.244	0,95%	-26,17%	8.691	1,15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.044	1,43%	19.278	1,38%	+1,23%	14.380	1,91%
Chi phí khác	1.070	0,08%	698	0,05%	-34,77%	1.110	0,15%
Chi phí thuế TNDN	7.110	0,53%	8.358	0,60%	+17,55%	3.867	0,51%
Tổng cộng	1.338.179	100,48%	1.400.786	100,29%	+4,68%	754.128	100,10%

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		%Tăng/giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT		Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Giá vốn hàng bán	1.245.488	93,42%	1.298.041	92,93%	+4,22%	698.653	92,74%



Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		%Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Chi phí tài chính	46.791	3,51%	60.429	4,33%	+29,15%	27.701	3,68%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	38.231	2,87%	54.692	3,92%	+43,06%	23.940	3,18%
Chi phí bán hàng	17.939	1,35%	13.244	0,95%	-26,17%	8.691	1,15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.051	1,43%	19.626	1,41%	+3,02%	14.616	1,94%
Chi phí khác	1.176	0,09%	711	0,05%	-39,54%	1.130	0,15%
Chi phí thuế TNDN	7.110	0,53%	8.358	0,60%	+17,55%	3.867	0,51%
Tổng cộng	1.337.554	100,33%	1.400.409	100,26%	+4,70%	754.323	100,13%

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Nhận xét:

Về cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty, do đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất, vì thế Giá vốn hàng bán thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí. Theo bảng số liệu, giá vốn



hàng bán qua các năm tương đối ổn định, chiếm tỷ trọng 92,93% doanh thu thuần, ghi nhận 1.298.041 triệu đồng năm 2023, tăng nhẹ 4,22% so với năm trước. Cụ thể, cuối năm 2022 và nửa đầu năm 2023, giá các mặt hàng thủy hải sản đầu vào thuộc các loại hàng đánh bắt như bạch tuộc, mực, ghẹ cũng như các loại nông sản: khoai tây,... vẫn giữ giá ở mức cao. Song song đó, trước tình hình thức ăn thủy sản tăng liên tục và đạt đỉnh vào tháng 5/2023 với 14.900 đồng/kg, giá thủy sản như cá tra và tôm trong thị trường nội địa theo đó biến động cùng chiều do giá thức ăn chăn nuôi chiếm 60-70% chi phí chăn nuôi, từ đó ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng cao. Với mục tiêu hướng đến tối ưu hóa chi phí, SJ1 luôn tìm kiếm những nguồn nguyên vật liệu mới, vừa tìm kiếm lợi thế cạnh tranh vừa giảm mức độ phụ thuộc của Công ty vào các đối tác hiện hữu. Khoản mục lớn thứ hai là chi phí tài chính, chiếm 4,33% doanh thu thuần, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay. Khoản lãi vay phát sinh từ các khoản vay tài chính ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, trong năm tài chính 2023, lãi suất cho vay ngân hàng tăng so với năm tài chính 2022, dẫn đến chi phí lãi vay của Công ty tăng hơn 29,15% so với năm trước.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tương đối ổn định trong năm tài chính 2023, chiếm 1,41% doanh thu thuần, ghi nhận 19.626 triệu đồng, tăng nhẹ (575 triệu đồng, tương đương với tăng 3,02%) so với năm tài chính 2022 do việc Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Ngoài ra, để tiết giảm chi phí Công ty, SJ1 đã kiểm soát chi phí bán hàng chỉ còn 13.244 triệu đồng, giảm 4.695 triệu đồng, tương đương với giảm 26,17%, chiếm chi còn 0,95% doanh thu thuần. Nhìn chung, chi phí của Công ty không biến động đáng kể, cho thấy Công ty đã có chính sách kiểm soát chi phí hiệu quả,...

Tính đến quý II năm tài chính 2024, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần, chi phí tài chính trên doanh thu thuần và Chi phí thuế TNDN trên doanh thu thuần có xu hướng giảm dần, trong khi đó, các tỷ lệ chi phí khác trên doanh thu thuần như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác có xu hướng tăng dần, tuy nhiên, tỷ lệ tăng các chi tiêu không đáng kể. Xét tỷ trọng của tổng cộng tất cả các chi tiêu về chi phí trên Doanh thu thuần có xu hướng giảm dần qua các năm, đến 31/03/2024 tỷ trọng này chỉ còn đạt 100,13% trên Doanh thu thuần. Tính đến nay, SJ1 vẫn tiếp tục duy trì khả năng kiểm soát chi phí ổn định, kỳ vọng sẽ cải thiện lợi nhuận trong cả năm tài chính 2024.



10.2 Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty

Bảng 5. Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	150.897	39.045	111.852	165.247	44.032	121.214	+8,37%	167.208	47.964	119.24
2	Máy móc thiết bị	88.087	62.942	25.145	93.328	69.288	24.040	-4,40%	93.586	71.941	21.645
3	Phương tiện vận tải	8.033	5.913	2.120	7.488	5.827	1.661	-21,65%	6.358	4.958	1.400
4	Thiết bị văn phòng	2.180	2.180	0	2.096	2.096	0	0	2.862	1.749	1.114
Tổng cộng		249.197	110.079	139.117	268.158	121.243	146.915	+5,61%	270.014	126.611	143.403

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

**Hợp nhất:**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	150.897	39.045	111.852	165.247	44.032	121.215	+8,37%	167.208	47.964	119.245
2	Máy móc thiết bị	88.087	62.942	25.145	93.328	69.288	24.040	-4,40%	93.586	71.941	21.645
3	Phương tiện vận tải	8.033	5.913	2.120	7.488	5.827	1.661	-21,65%	6.358	4.958	1.400
4	Thiết bị văn phòng	2.180	2.180	0	2.096	2.096	0	0	2.862	1.749	1.114
Tổng cộng		249.197	110.079	139.117	268.158	121.243	146.915	+5,61%	270.014	126.611	143.403

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.



Giá trị tài sản cố định thuê tài chính của Công ty

Bảng 6. Giá trị tài sản cố định thuê tài chính của Công ty

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Máy móc thiết bị	16.698	2.924	13.774	11.881	1.517	10.364	-24,76%	12.048	1.825	10.223
2	Phương tiện vận tải	1.572	899	673	0	0	0	-100,00%	1.488	47	1.442
Tổng cộng		18.270	3.824	14.446	11.881	1.517	10.364	-28,26%	13.536	1.871	11.665

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

**Hợp nhất:**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/ giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Máy móc thiết bị	16.698	2.924	13.774	11.881	1.517	10.364	-24,76%	12.048	1.825	10.223
2	Phương tiện vận tải	1.572	899	673	0	0	0	-100,00%	1.488	47	1.442
Tổng cộng		18.270	3.824	14.446	11.881	1.517	10.364	-28,26%	13.536	1.871	11.665

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Giá trị tài sản cố định vô hình của Công ty**Bảng 7. Giá trị tài sản cố định vô hình của Công ty****Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	101.889	9.052	92.837	101.889	10.237	91.652	-1,28%	101.889	10.829	91.060



STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
2	Phần mềm máy tính	393	327	66	393	341	52	-21,21%	393	348	45
Tổng cộng		102.282	9.379	92.903	102.282	10.578	91.704	-1,29%	102.282	11.177	91.105

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	01/10/2022			30/09/2023			%Tăng/giảm	31/03/2024		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	101.889	9.052	92.837	101.889	10.237	91.652	-1,28%	101.889	10.829	91.060
2	Phần mềm máy tính	393	327	66	393	341	52	-21,21%	393	348	45
Tổng cộng		102.282	9.379	92.903	102.282	10.578	91.704	-1,29%	102.282	11.177	91.105

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.



10.3 Thị trường hoạt động

Bảng 8. Bảng cơ cấu Doanh thu thuần theo thị trường hoạt động

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		%Tăng/ giảm	01/10/2023 – 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	1.331.826	100,00%	1.396.760	100,00%	+4,88%	753.354	100%
- Nội địa	1.064.756	79,95%	1.154.269	82,64%	+8,41%	591.568	78,52%
- Xuất khẩu	267.070	20,05%	242.491	17,36%	-9,20%	161.786	21,48%

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		%Tăng/ giảm	01/10/2023 – 31/03/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	1.331.826	100,00%	1.396.760	100,00%	+4,88%	753.354	100%
- Nội địa	1.064.756	79,95%	1.154.269	82,64%	+8,41%	591.568	78,52%
- Xuất khẩu	267.070	20,05%	242.491	17,36%	-9,20%	161.786	21,48%

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Nhận xét:

Kết thúc năm tài chính 2023, Công ty ghi nhận Doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.396.760 triệu đồng, tăng 4,88% so với cùng kỳ năm trước và đạt 93,12% so với kế hoạch đề ra. Đóng góp cho sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ doanh thu nội địa khi ghi nhận gia tăng 8,41% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 89.513 triệu đồng, đạt 1.154.269 triệu đồng năm tài chính 2023. Kết quả đến từ việc



thực hiện chiến lược tối ưu hóa doanh thu từng nhóm sản phẩm, tập trung sản xuất những mặt hàng cốt lõi được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng như cá viên, chả giò hải sản, mực/bạch tuộc tẩm bột, cá tra/cá hồi cắt khoanh, nui, mì rau củ,. Bên cạnh đó, giá bán các sản phẩm thủy sản tăng do áp lực tăng giá từ giá nguyên vật liệu đầu vào. Tại SJ1, ngoài việc gia tăng sản lượng sản xuất, Công ty còn phát triển thêm các sản phẩm mới bán ra thị trường theo nhu cầu khách hàng. Qua đó xây dựng mối quan hệ lâu dài với các khách hàng hiện tại và mở rộng tập khách hàng mới.

Doanh thu thuần từ 01/10/2023 – 31/03/2024 của Công ty ghi nhận đạt 753.354 triệu đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, đạt 47% so với kế hoạch năm tài chính 2024, nhờ vào tình hình đơn hàng trong nước cũng như xuất khẩu tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

- **Công tác kinh doanh.**

- Tiếp tục xây dựng, duy trì hệ thống quảng bá thương hiệu và tiếp cận thị trường trên thế giới thông qua các website.
- Tỷ trọng doanh thu bán hàng Giá trị gia tăng: Châu Á chiếm 68% (trong đó Hàn Quốc 35%, Nhật bản 29%, thị trường Châu Á khác 4%), Châu Âu chiếm 31% (gồm Bỉ 18%, Hà Lan 7%, thị trường Châu Âu khác 06%...), Úc chiếm 1%
- Đã phát triển các dòng sản phẩm mới cho xuất khẩu và nội địa như Bánh Menbosa khoai tây, rau củ tempura, tôm tẩm bột ngũ cốc, xúc xích chả lụa,...
- Đội ngũ Sales tiếp tục được phân bổ chi tiêu, chăm sóc khách hàng chu đáo; tiếp tục xây dựng và quảng bá thương hiệu ra thị trường thế giới..
- Phân loại khách hàng và xây dựng chính sách đối với từng khách hàng cụ thể, từng chương trình đối với từng loại hàng hóa vào những thời điểm thích hợp để phát triển kinh doanh phù hợp với biến động thị trường.
- Phát triển thêm được 14 khách hàng mới với doanh số đạt gần 35 tỷ đồng.

- **Công tác sản xuất.**

- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế các sản phẩm đều được kiểm tra kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng được xuất khẩu bằng việc Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP ASC/MSC ...nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

+ Lãnh đạo cấp cao của Công ty luôn chú trọng đến chất lượng và cam kết cung cấp đầy đủ



- nguồn: Nhân lực, vật lực, kinh phí cho hoạt động kiểm soát chất lượng của Công ty ở mức cao nhất.
- + Thu mua nguyên phụ liệu từ nhà cung cấp có chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc có các hồ sơ đạt chất lượng và nguồn gốc rõ ràng.
 - + Các sản phẩm thỏa mãn yêu cầu về chất lượng, sản xuất đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn thực phẩm, không gian lận thương mại, tuân thủ pháp luật, chế định và các yêu cầu của khách hàng.
 - + Nước thải, rác thải và khí đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
 - + Thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005, BRC, HALAL, HACCP,.. trong đó bao gồm việc tuân thủ các luật định liên quan về vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - + Hàng năm Công ty có lịch đào tạo và huấn luyện nâng cao nhận thức về đạo đức, trách nhiệm và trình độ của CBCNV về hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu liên quan đến quá trình, sản phẩm và các yêu cầu dịch vụ như:
 - ✓ Đào tạo bên ngoài do các Cơ quan tổ chức: Intertek, SGS, NAFIQUAD,.
 - ✓ Đào tạo nội bộ hàng năm bởi các chuyên gia được đào tạo bên ngoài, có đủ trình độ và kỹ năng truyền đạt.
 - Trong năm tài chính 2023, Công ty đầu tư mạnh mẽ và chủ trương áp dụng Máy móc thiết bị để thay thế sức lao động con người như: Xe nâng, hệ thống điều hòa không khí nhà xưởng, máy hàn máy đai dây đóng thùng, hệ thống băng tải trong chế biến,..
 - Kiểm soát hiệu quả các mục tiêu về chi phí: điện, nước, nước thải, công cụ, dụng cụ, chi phí bảo trì, bảo dưỡng....
 - Công ty thực tăng cường kiểm soát các mục tiêu sản xuất liên quan đến:
 - + Kiểm soát Định mức nguyên liệu.
 - + Chi phí Điện, Nước, kiểm soát máy móc thiết bị.
 - + Kiểm soát mục tiêu về Chất lượng sản phẩm.
 - + Kiểm soát chi phí khác trong hoạt động sản xuất: chi phí tài chế, thay bao bì...
 - + Kiểm soát mục tiêu đầu tư máy móc thiết bị.
 - **Công tác mua hàng.**
 - Giá trị mua hàng cho sản xuất trong năm 2023 đạt trên 85% so mục tiêu chung và đạt 112% so với năm 2022.
 - Về nguyên liệu đầu vào: giá các mặt hàng thủy hải sản đầu vào thuộc các loại hàng đánh



bắt như bạch tuộc, mực, ghẹ cũng như các loại nông sản: khoai tây,... vẫn giữ giá ở mức cao trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế trên thị trường và xung đột chiến tranh nên giá nguyên liệu đầu vào của một số mặt hàng có giảm vào những tháng cuối năm 2023. Tận dụng thời điểm này, Công ty đánh giá các mặt hàng thiết yếu để mua dự trữ nhằm đảm bảo các đơn hàng mới có giá cạnh tranh hơn.

- Hoạt động mua hàng thường xuyên nắm bắt tình hình biến động nguyên vật liệu trên thị trường, đảm bảo đầy đủ kịp thời cho hoạt động sản xuất tại các nhà máy.
- **Công tác tài chính kế toán:**
 - Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng.
 - Quản lý tốt hàng hóa tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
 - Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về giảm thuế GTGT từ 10% xuống còn 8%, và cập nhật các quy định mới của Cơ quan thuế.
 - Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

10.5 Các Hợp đồng lớn

Thông tin về các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng.ký chào bán và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung trong bảng sau:

Bảng 9. Các hợp đồng lớn của Công ty

STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp cho đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
1.	HHA/EMI 166-05/21	EMART INC	Giá trị gia tăng	5.394.548.970 VNĐ (~\$235.467)	18/08/2021	28/09/2022	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp cho đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
2.	HHA/SKR 206-T08/2021	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	5.763.240.000 VNĐ (~\$252.000)	10/09/2021	09/12/2021, 13/01/2022	Không
3.	HHA/EMI 212-06/21	EMART INC	Menbosa	3.630.841.200 VNĐ (~\$158.760)	28/09/2021	17/01/2022	Không
4.	HHA/SKR 020-T01/2022	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	4.254.250.000 VNĐ (~\$187.000)	18/11/2021	30/03/2022	Không
5.	HHA/SKR 050-T03/2022	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	6.011.280.000 VNĐ (~\$264.000)	26/01/2022	27/04/2022 21/05/2022 21/06/2022 08/07/2022 20/07/2022	Không
6.	HHA/SKR 071-S02/22	SHOKURYU	Xiên que tẩm bột	2.997.850.020 VNĐ (~\$130.398)	07/03/2022	Từ tháng 06/2022 đến tháng 12/2022	Không
7.	HHA/SKR 073-T05/22	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	5.457.750.000 VNĐ (~\$237.500)	10/03/2022	Từ tháng 07/2022 đến tháng 11/2022	Không
8.	HHA/SKR 074-T06/22	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	5.464.875.000 VNĐ (~\$237.500)	11/03/2022	22/11/2022 28/12/2022	Không
9.	HHA/TAN 095-13/22	TANG FRERES S.A	Tôm bột	3.078.446.540 VNĐ (~\$131.924)	06/06/2022	Tháng 05/2023	Không
10.	HHA/TMC 119-01/22	TMC CO.,LTD	Bánh tôm	30.384.053.700 VNĐ (~\$1.291.290)	05/08/2022	Từ tháng 09/2022	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp cho đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
						đến tháng 02/2023	
11.	HHA/TMC 120-02/22	TMC CO.,LTD	Bánh tôm	30.851.500.680 VNĐ (~\$1.311.156)	06/08/2022	Tháng 06/2023	Không
12.	HHA/SKR 021-T01/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	6.080.082.000 VNĐ (~\$252.600)	05/12/2022	28/12/2022 và 09/02/2023	Không
13.	HHA/HPL 019-01/23	HOMEPLUS CO., LTD	Tôm bột, menbosa và hàng Giá trị gia tăng khác	4.899.665.130 VNĐ (~\$203.559)	05/12/2022	Tháng 03/2023	Không
14.	HHA/SKR 042-T02/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	12.844.800.000 VNĐ (~\$535.200)	20/02/2023	Tháng 11/2023	Không
15.	HHA/SKR 092-T07/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	10.584.000.000 VNĐ (~\$441.000)	08/06/2023	Tháng 11/2023	Không
16.	HHA/SKR 093-T08/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	10.584.000.000 VNĐ (~\$441.000)	08/06/2023	Tháng 01/2024	Không
17.	HHA/TAN 132-05/23	TANG FRERES S.A	Tôm bột	2.315.520.000 VNĐ (~\$96.480)	12/09/2023	Tháng 12/2023	Không
18.	HHA/GDF 021-07/24	GOLDENFIT CO.,LTD	Chà giò	2.093.040.000 VNĐ (~\$87.210)	13/11/2023	Tháng 03/2024	Không

Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu



(1) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành

Thông tin về các hợp đồng lớn đã được ký kết với các đối tác (là Nhà cung cấp được nêu tại phương án sử dụng vốn chi tiết) có giá trị lớn tại Bản cáo bạch đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung trong bảng sau:

Stt	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm /dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
1	PLHĐ 001 HĐNT 020/F&B-DN/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga	Tôm	387.407.328	21/03/2023	Tháng 03-04/2023	Không
2	017/F&B-HL/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	Tôm	814.620.600	20/03/2023	Tháng 03-04/2023	Không
3	035/F&B-HP/2023	Công ty TNHH Thương Mại Hồng Phú	Bạch tuộc	1.480.000.000	18/04/2023	Tháng 04/2023	Không
4	281/F&B-DA/2022	Công ty TNHH Thương Mại Thủy Sản Đức Anh	Tôm	1.818.360.000	19/12/2022	Tháng 12 – 01/2023	Không
5	503/HĐBTP/XC-HHA	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	Thủy sản	1.784.461.400	13/03/2023	Tháng 03 – 04/2023	Không



Stt	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm /dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
6	535.HHA-TĐ/HĐMB-07032023	Công ty TNHH Quốc tế Thiên Điều	Thủy sản	1.284.742.824	07/03/2023	Tháng 03 – 4/2023	Không
7	512/GLB-HHA	Công ty TNHH Thủy Sản Global Việt Nam	Thủy sản	1.732.032.400	15/03/2023	Tháng 03/2023	Không
8	PL 003	Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	Bột	228.828.050	01/03/2023	Tháng 03/2023	Không
9	PL 15 - Hợp đồng số 2023	Công ty TNHH Nitto Fuji International VN	Bột	246.477.400	01/04/2023	Tháng 04/2023	Không
10	PLHĐMB 03/2023	Công ty Cổ Phần Bao Bì Giấy An Hạ	Bao bì	224.282.300	01/03/2023	Tháng 03/2023	Không
11	PLHĐMB 05/2023 - HĐNT số 001/2023/HĐ-HCM	Công ty TNHH Hải Nam - Chi Nhánh TP.HCM	Bao bì	352.225.500	01/05/2023	Tháng 05/2023	Không
12	PK HĐMB số 03/2023	Công ty TNHH Tân Ngọc Diệu	Bao bì	251.618.400	02/03/2023	Tháng 03/2023	Không
13	PL HĐMB 03/2023	Công ty TNHH MTV In ấn Hoàng Vân	Bao bì	148.294.080	01/03/2023	Tháng 03/2023	Không



Stt	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm /dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
14	PLHĐ 002 HĐNT 020/F&B-DN/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga	Tôm	77.606.650	01/12/2023	Tháng 12/2023	Không
15	034/F&B-HL/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	Tôm	929.684.800	15/04/2023	Tháng 04/2023	Không
16	071/F&B-HL/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	Tôm	3.653.000.000	22/06/2023	Tháng 08-10/2023	Không
17	061/F&B-HP/2023	Công ty TNHH Thương Mại Hồng Phú	Bạch tuộc	5.760.000.000	09/06/2023	Tháng 06/2023	Không
18	139/F&B-DA/2023	Công ty TNHH Thương Mại Thủy Sản Đức Anh	Thành phẩm (cá tra,..)	671.700.000	21/11/2023	Tháng 12/2023	Không
19	703/HĐBTP/XC-HHA	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	Thành phẩm (cá tra,..)	1.895.522.394	19/12/2023	Tháng 12/2023	Không
20	724.HHA-TĐ/HĐMB-09112023	Công ty TNHH Quốc tế Thiên Điều	Thành phẩm (cá tra,..)	1.856.510.712	09/11/2023	Tháng 11/2023	Không



Stt	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm /dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
21	625/HĐMB/GLB-HHA	Công ty TNHH Thủy Sản Global Việt Nam	Thành phẩm (cá tra,...)	1.887.946.062	08/11/2023	Tháng 11/2023	Không
22	PL 007 – Hợp đồng số 017/HĐNT/VFK/2023	Công ty TNHH Vina Foods Kyoiei	Bột	692.566.155	01/07/2023	Tháng 07/2023	Không
23	PL 18 - Hợp đồng số 2023	Công ty TNHH Nitto Fuji International VN	Bột	595.095.800	01/07/2023	Tháng 07/2023	Không
24	PLHĐMB 11/2023 – HĐNT số 03/2023	Công ty Cổ Phần Bao Bì Giấy An Hạ	Bao bì	822.136.349	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
25	PLHĐMB 11/2023 - HĐNT số 001/2023/HĐ-HCM	Công ty TNHH Hải Nam - Chi Nhánh TP.HCM	Bao bì	237.009.240	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
26	PKHĐMB số 11/2023 – HĐNT số 001/HĐNT-NNHH/2023	Công ty TNHH Tân Ngọc Diệu	Bao bì	345.111.840	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
27	PLHĐMB 11/2023 – HĐNT số 01/HĐNT/2023	Công ty TNHH MTV In ấn Hoàng Vân	Bao bì	200.003.429	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không



Stt	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm /dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
28	PLHĐMB số PLHD/06.10.2023/CN-HH – HĐCCHH số: 01/01/23 HĐMB/CN-HH	Công Ty TNHH Sản Xuất Thực Phẩm Cô Năm	Nguyên liệu phụ (bánh tráng,..)	285.984.000	06/10/2023	Tháng 10/2023	Không
29	PLHĐMB số PLHD/04.12.2023/CN-HH – HĐCCHH số: 01/01/23 HĐMB/CN-HH	Công Ty TNHH Sản Xuất Thực Phẩm Cô Năm	Nguyên liệu phụ (bánh tráng,..)	129.600.000	04/12/2023	Tháng 12/2023	Không

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 10. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
I.	Khách hàng					
1	SHOKURYU	HHA/SKR 205-T07/2021	Bạch tuộc	3.693.600.000 VNĐ (~\$162.000)	30/11/2021	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 206-T08/2021	Bạch tuộc	5.796.000.000 VNĐ (~\$252.000)	30/03/2022	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 020-T01/2022	Bạch tuộc	4.301.000.000 VNĐ (~\$187.000)	30/03/2022	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
	SHOKURYU	HHA/SKR 050-T03/2022	Bạch tuộc	6.132.720.000 VNĐ (~\$264.000)	15/05/2022	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 054-T04/2022	Bạch tuộc	4.111.360.000 VNĐ (~\$176.000)	15/06/2022	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 071-S02/22	Xiên que tẩm bột	3.048.705.240 VNĐ (~\$130.398)	20/06/2022 - 20/10/2022	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 073-T05/22	Bạch tuộc	5.654.875.000 VNĐ (~\$237.500)	20/09/2022	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 074-T06/22	Bạch tuộc	5.859.125.000 VNĐ (~\$237.500)	20/10/2022	Không
	SHOKURYU	HHA/SKR 021-T01/2023	Bạch tuộc	5.999.250.000 VNĐ (~\$252.600)	25/12/2022 - 25/03/2023	Không
2	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 002-02/22 R01	Chà giò	2.479.853.580 VNĐ (~\$108.861)	30/01/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 004-04/22	Chà giò	2.323.496.700 VNĐ (~\$100.890)	15/03/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 023-05/22	Chà giò	2.399.820.000 VNĐ (~\$104.340)	30/03/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 025-07/22	Chà giò	2.878.999.605 VNĐ (~\$124.659)	30/04/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 027-09/22	Chà giò	2.398.788.000 VNĐ (~\$102.600)	20/06/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 045-11/2022	Chà giò	2.342.319.525 VNĐ (~\$100.035)	30/06/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 046-12/2022	Chà giò	2.348.821.800 VNĐ (~\$100.035)	30/07/2022	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 127-17/22	Chà giò	2.595.666.180 VNĐ (~\$104.340)	5/11/2022	Không
	GOLDENFIT CO.,LTD	HHA/GDF 012-02/23	Chà giò	2.675.035.860 VNĐ (~\$113.253)	30/01/2023	Không
3	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 186-10/21	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.633.491.200 VNĐ (~\$115.504)	30/11/2021	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 187-11/21	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.678.133.240 VNĐ (~\$116.847)	30/12/2021	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 010-02/22	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.810.142.720 VNĐ (~\$121.968)	15/04/2022	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 011-03/22	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.834.066.600 VNĐ (~\$122.740)	5/05/2022	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 041-04/22 R01	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.739.624.300 VNĐ (~\$117.530)	10/06/2022	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 042-05/22	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.887.398.000 VNĐ (~\$122.868)	10/07/2022	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 043-06/22	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.913.005.520 VNĐ (~\$123.642)	20/07/2022	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 082-08/22	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.638.795.380 VNĐ (~\$112.146)	8/08/2022	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 083-09/22	Tôm bột	3.037.543.680 VNĐ (~\$128.928)	25/08/2022	Không
	TANG FRERES S.A	HHA/TAN 084-10/22 R01	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm	2.684.178.000 VNĐ (~\$113.400)	12/09/2022	Không
4	PARIS STORE S.A	HHA/PSP 165-12/21	Chà giò, hải sản nhồi, tôm bột	2.465.502.180 VNĐ (~\$108.231)	25/01/2022	Không
	PARIS STORE S.A	HHA/PSP 077-05/22 R01	Chà giò	2.417.129.700 VNĐ (~\$102.660)	20/08/2022	Không
5	TMC CO.,LTD	HHA/TMC 119-01/22	Bánh tôm	30.474.444.000 VNĐ (~\$1.291.290)	09/2022 - 01/2023	Không
	TMC CO.,LTD	HHA/TMC 120-02/22	Bánh tôm	30.969.504.720 VNĐ (~\$1.311.156)	02/2023 - 06/2023	Không
6	SASE CO., LTD	HHA/SSE 087-04/21	Bánh tôm	2.600.450.060 VNĐ (~\$112.379)	30/04/2021	Không
	SASE CO., LTD	HHA/SSE 112-05/21	Bánh tôm	2.592.583.530 VNĐ (~\$112.379)	7/06/2021	Không
	SASE CO., LTD	HHA/SSE 113-06/21	Bánh tôm	2.598.202.480 VNĐ (~\$112.379)	30/06/2021	Không
	SASE CO., LTD	HHA/SSE 150-07/21	Bánh tôm	2.630.464.000 VNĐ (~\$114.368)	10/08/2021	Không
	SASE CO., LTD	HHA/SSE 151-08/21	Bánh tôm	2.615.596.160 VNĐ (~\$114.368)	10/09/2021	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
	SASE CO., LTD	HHA/SSE 154-09/21	Bánh tôm	2.659.921.020 VNĐ (~\$116.357)	15/09/2021	Không
	SASE CO., LTD	HHA/SSE 155-10/21	Bánh tôm	2.693.554.960 VNĐ (~\$118.346)	22/01/2022	Không
7	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 140-01/21	Khoai tây cuộn tôm, chả giò	2.335.956.150 VNĐ (~\$101.343)	30/07/2021	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 141-02/21	Khoai tây cuộn tôm	2.387.966.200 VNĐ (~\$104.278)	25/08/2021	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 142-03/21	Khoai tây cuộn tôm	2.383.795.080 VNĐ (~\$104.278)	25/09/2021	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 104-02/22 R02	Khoai tây cuộn tôm	2.724.755.300 VNĐ (~\$115.310)	15/12/2022	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 105-03/22	Khoai tây cuộn tôm	2.803.457.800 VNĐ (~\$118.690)	25/01/2023	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 106-04/22	Khoai tây cuộn tôm	2.844.999.300 VNĐ (~\$118.690)	25/02/2023	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 107-05/22	Khoai tây cuộn tôm	2.810.579.200 VNĐ (~\$118.690)	25/03/2023	Không
	BML FOOD GROUP THE NETHERLAND BV	HHA/BML 108-06/22	Khoai tây cuộn tôm	2.807.018.500 VNĐ (~\$118.690)	25/04/2023	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
8	SUN MARINE PRODUCTS WAH	HHA/SUN 164-16/2021	Hải sản nhồi, chả giò, tôm bột	1.867.918.950 VNĐ (~\$81.747)	30/10/2021	Không
	SUN MARINE PRODUCTS WAH	HHA/SUN 176-18/2021	Tôm bột, khoai tây cuộn tôm, hải sản nhồi, chạo mía	1.604.094.000 VNĐ (~\$70.355)	30/11/2021	Không
	SUN MARINE PRODUCTS WAH	HHA/SUN 036-03/2022 R02	Chả giò, tôm bột, hải sản nhồi	2.294.986.000 VNĐ (~\$99.782)	10/04/2022	Không
9	FUTURE ENTERPRISES PTE	HHA/FES 081-01/21	Tempura, khoai tây cuộn tôm, xiên que tẩm bột, hải sản nhồi	2.777.469.435 VNĐ (~\$120.003)	1/06/2021	Không
	FUTURE ENTERPRISES PTE	HHA/FES 009-02/22	Tempura, khoai tây cuộn tôm	2.471.736.000 VNĐ (~\$108.600)	22/01/2022	Không
	FUTURE ENTERPRISES PTE	HHA/FES 091-03/22 R01	Khoai tây cuộn tôm	2.872.560.600 VNĐ (~\$119.990)	28/02/2023	Không
	FUTURE ENTERPRISES PTE	HHA/FES 092-04/22 R01	Khoai tây cuộn tôm	2.726.311.250 VNĐ (~\$115.375)	28/04/2023	Không
	FUTURE ENTERPRISES PTE	HHA/FES 002-02/23 R01	Khoai tây cuộn tôm	2.791.834.500 VNĐ (~\$117.650)	30/12/2022	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
10	EXOSTAR S.A.S	HHA/EXO 160-03/21-revised 02	Tôm bột, tempura, chạo mìa	2.524.370.400 VNĐ (~\$110.718)	30/11/2021	Không
	EXOSTAR S.A.S	HHA/EXO 057-02/22 R01	Tôm bột, tempura, chạo mìa	2.676.006.690 VNĐ (~\$114.286)	30/06/2022	Không
	EXOSTAR S.A.S	HHA/EXO 059-04/22 R01	Tôm bột	2.452.673.840 VNĐ (~\$104.458)	30/07/2022	Không
II	Nhà cung cấp lớn					
1	CT CP BAO BÌ GIẤY AN HẠ	02/2023-AH/NNHH	Bao bì	290.216.630 VNĐ	hơn 10 năm	Không
2	CÔNG TY TNHH BRENNTAG VIỆT NAM	B067-FD-2023-SG/PL01	Hóa chất	68.640.000 VNĐ	hơn 10 năm	Không
3	CÔNG TY TNHH R&B FOOD SUPPLY VIỆT NAM	PC2023-01/RBLA-HH	Hóa chất / bột	194.767.650 VNĐ	hơn 10 năm	Không
4	CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO	230103-21069/HD/Sumi-HHA	Bột xù	143.658.200 VNĐ	hơn 10 năm	Không
5	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN ẤN HOÀNG VÂN	01/HDNT-2023	In ấn/bao bì	148.294.080 VNĐ	hơn 10 năm	Không
6	CÔNG TY TNHH MTV THỦY SẢN HIẾU LÊ CM	034/F&B-HL/2023	Tôm	929.684.800 VNĐ	hơn 10 năm	Không



STT	Khách hàng/nhà cung cấp lớn	Số hợp đồng	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
7	CÔNG TY TNHH RAU CÚ QUẢ PHÚ QUỠ	023/F&B-PQ/2023	Rau củ, khoai tây	454.925.400 VNĐ	hơn 10 năm	Không
8	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN HẢI SẢN TRỌNG ĐỨC	006/F/2023	Surimi cá	302.500.000 VNĐ	hơn 10 năm	Không
9	CÔNG TY TNHH PHƯƠNG YẾN	01/HĐMB PYE-HH	Bao bì	530.671.680 VNĐ	hơn 10 năm	Không
10	CÔNG TY TNHH TÂN NGỌC ĐIỀU	001/HĐNT-NHH/2023	Bao bì	251.618.400 VNĐ	hơn 10 năm	Không

Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1 Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tiền thân là Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay No.1 được thành lập và hoạt động từ năm 1988, đến năm 2000 Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay No.1 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1. Năm 2015, Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1 đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (SJ1) với số vốn điều lệ lên tới 104,5 tỷ đồng. Trải qua nhiều thăng trầm cùng với sự biến động lớn của nền kinh tế, Công ty vẫn đứng vững và ngày càng phát triển mạnh trong lĩnh vực chế biến và phân phối các sản phẩm thủy sản, nông sản trong và ngoài nước.

Trong quá trình phát triển, Công ty không ngừng cập nhật, đổi mới về kỹ thuật, công nghệ, tổ chức quản lý. Hiện nay với đội ngũ cán bộ quản lý là kỹ sư, chuyên viên giàu kinh nghiệm, thạo việc trong các ngành chế biến thủy sản, nông sản; đội ngũ công nhân lành nghề công ty sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước,.. Qua thực tế hoạt động, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như:



Tên chứng nhận	Nội dung
Chứng nhận DL01	Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU.
Chứng nhận ISO 9001:1998	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 1998.
Chứng nhận ISO 9001:2000	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000.
Chứng nhận ISO 22000:2005	Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 2200 phiên bản 2005.
Chứng nhận HALAL	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.
Chứng nhận BRC	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu – BRC (Tiêu chuẩn của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc).
Chứng nhận HACCP	Hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn.

Thời gian	Thành tích đạt được
Năm 1992	Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.
Năm 1998	Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.
Năm 2002 - 2008	Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà".
Năm 2004, 2005, 2007	Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.
Năm 2006	Cúp vàng thương hiệu hội nhập.
	Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động" 10 năm (1996 – 2006).
Năm 2003 - 2012	Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.
Năm 2013	Nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.



Thời gian	Thành tích đạt được
Năm 2014	Nhận bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao và Cờ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể.
Năm 2015	Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015. Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty.
Năm 2016	<ul style="list-style-type: none">- Ngày 29/7/2016, Công ty được vinh danh trong TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016 tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức.- Ngày 05/9/2016, Công ty được nhận giải: "AEC Priority Integration Sector Excellence Awards" của Asean Business Advisory Council.- Ngày 06/12/2016, Công ty vinh dự nhận được danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015".
Năm 2018	Ngày 01/12/2018 Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập".
Năm 2020	<ul style="list-style-type: none">- Tháng 02/2020 và tháng 06/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn.- Ngày 01/07/2020, Công đoàn Cơ sở Công ty được Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trao tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, giai đoạn 2015 – 2020.- Ngày 12/08/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn (ngành hàng Thực phẩm).
Năm 2021	Tháng 5/2021, Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà" năm 2020 của Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.



Thời gian	Thành tích đạt được
Năm 2022	Tháng 11/2022, Công ty vinh dự là đơn vị có 4 lần liên tiếp đạt chứng nhận Thương hiệu Quốc gia với dòng sản phẩm chế biến sẵn của Happy Food.

Như vậy, với những nỗ lực không ngừng của toàn thể Cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã ngày càng trưởng thành và phát triển trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản; vừa tạo được mối quan hệ thân thiết với các nhà cung cấp, vừa có được niềm tin của các khách hàng. Công ty đang ngày một khẳng định vị thế của mình trong ngành, góp phần tạo nên sự phát triển của ngành thủy sản trong nước.

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hiệp định (EVFTA) và (UKVFTA) có hiệu lực: tạo động lực để ngành hàng thủy sản phát triển, gia tăng đầu tư, mở rộng thị phần, nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam với các nước đối thủ trên thị trường EU và Anh. Ngoài ra, Việt Nam đã tham gia 16 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) với các nước và vùng lãnh thổ mang lại lợi thế về thuế xuất nhập khẩu, trong đó 13FTA đã ký (các nước tham gia chiếm 71% xuất khẩu thủy sản Việt Nam).

Nguồn cung nguyên liệu dồi dào: Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3.260 km, cùng hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, Việt Nam có thể cung cấp khối lượng lớn thủy sản an toàn, chất lượng ổn định cho hơn 600 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm chế biến thủy hải sản.

Ngành thủy sản là một trong những ngành mũi nhọn luôn được sự quan tâm và hỗ trợ của Chính Phủ:

Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam với các mục tiêu sau:

❖ Mục tiêu chung đến năm 2030

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

❖ Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3,0 - 4,0%/năm.



- Tổng sản lượng thủy sản sản xuất trong nước đạt 9,8 triệu tấn; trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản 7,0 triệu tấn, sản lượng khai thác thủy sản 2,8 triệu tấn.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 14 - 16 tỷ USD.
- Giải quyết việc làm cho trên 3,5 triệu lao động, có thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tương đương thu nhập bình quân chung lao động cả nước. Xây dựng các làng cá ven biển, đào thành các cộng đồng dân cư văn minh, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng gắn với xây dựng nông thôn mới.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Chính phủ Việt Nam, ngành thủy sản và doanh nghiệp thủy sản ngày càng quan tâm đến an toàn thực phẩm, trách nhiệm môi trường – xã hội. Đây cũng là xu thế chung của người tiêu dùng Việt Nam và thế giới. Theo đó, định hướng hoạt động SJ1 là cung ứng những sản phẩm tốt và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tới tay người tiêu dùng với giá phù hợp nhất với tình hình thực tế tại từng thời điểm. Các sản phẩm được chế biến, sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế ISO 22000 và HACCP về an toàn vệ sinh thực phẩm, trách nhiệm môi trường – xã hội.

10.8 Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Công ty cũng hết sức quan tâm đến hoạt động chăm sóc khách hàng truyền thống, tiếp cận và thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty.

Đối với SJ1, xây dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh doanh nghiệp ra công chúng được xem là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Việc quảng bá, tiếp thị, tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường được giao cho bộ phận kinh doanh của Công ty đảm trách.

- Xây dựng website riêng với tên miền <https://himex.vn/> để cung cấp thông tin chi tiết và quảng bá hình ảnh từng sản phẩm/ thương hiệu Nông nghiệp Hùng Hậu đến với người tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu.
- Triển khai theo chiến lược marketing mix 4P+1 (Product, Place, Price, Promotion và People). Cụ thể:
 - **Product:** đưa ra thị trường những sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ nguồn nguyên liệu trong nước. Danh mục sản phẩm luôn luôn phong phú, hình thức sản phẩm có tính thẩm mỹ cao, chất lượng sản phẩm đạt đến độ tuyệt hảo so với những dòng sản phẩm tương tự



trên thị trường, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước mà đặc biệt là khách hàng quốc tế.

- **Place:** Ngoài việc sử dụng các kênh phân phối truyền thống là bán hàng qua hệ thống phân phối của khách hàng, Nông nghiệp Hùng Hậu cũng đã xây dựng thành công kênh bán hàng qua cửa hàng tiện ích (trưng bày, giới thiệu và bán) HappyFood Store tại 2 địa điểm là 004B Âu Cơ, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh và 568 Lê Hồng Phong, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh và bán trực tiếp cho hệ thống các siêu thị, nhà hàng trên phạm vi toàn quốc như METRO, Maximart, Big C, Vinmart, Lotteria, Pizza Hut, Citimart, ... cũng như các chợ trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.
- **Price:** Nông nghiệp Hùng Hậu căn cứ định lượng khẩu phần ăn của người tiêu dùng, mức chi tiêu bình quân của mỗi gia đình cho bữa ăn (tại mỗi khu vực thị trường) để làm cơ sở đưa ra quy cách sản phẩm (trọng lượng) và giá thành sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Ngoài ra các biện pháp tiết giảm chi phí sản xuất, hạn chế lãng phí tiêu hao nguyên liệu sản xuất cũng được Nông nghiệp Hùng Hậu thực hiện một cách nghiêm ngặt, với mục tiêu kéo giảm giá thành phẩm xuống mức thấp nhất (có thể) để luôn đưa được mức giá tốt nhất đến tay người tiêu dùng (trong và ngoài nước).
- **Promotion:** Nông nghiệp Hùng Hậu thường xuyên sử dụng các giải pháp truyền thông tiên tiến để quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu: từ việc chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu trong toàn Công ty đến các chương trình quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; từ hội thảo chuyên ngành đến tham gia hội chợ thủy sản trong nước và quốc tế như Hội chợ Vietfish, Hội chợ Brussels, Nhật Bản, v.v; từ quan hệ truyền thông đến trách nhiệm xã hội...
- **People:** Với đặc thù là doanh nghiệp chế biến thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp, một loại hình doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, vì vậy yếu tố con người tại Nông nghiệp Hùng Hậu luôn được đề cao. Công ty luôn đề ra lộ trình tuyển dụng/tập huấn/đào tạo lại đội ngũ lao động để có được đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đảm đương tốt công việc hiện tại và đảm nhận được những vị trí cao hơn trong tương lai, bắt kịp xu thế phát triển và không ngừng mở rộng quy mô của doanh nghiệp.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế



STT	Tên Sản phẩm	Số đăng ký
1	- Nhãn hiệu HappyFood 	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 265634 cấp ngày 13/07/2016
2	- Logo HungHau Agricultural 	

Biểu tượng trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty tính tới thời điểm hiện tại.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chủ lực theo các định hướng chiến lược của Công ty bao gồm về mở rộng phạm vi đầu tư và hoàn thiện các dịch vụ tiện ích, chăm sóc kèm theo nhu cầu đầu tư của khách hàng.

Chính sách nghiên cứu và phát triển cụ thể của Công ty:

- Bám sát mục tiêu và định hướng chiến lược kinh doanh.
- Nghiên cứu cơ hội đầu tư, khảo sát thực địa và theo dõi thông tin quy hoạch để đánh giá tiềm năng phát triển.
- Đánh giá những yếu tố thuận lợi và thách thức trong quá trình thực hiện nghiên cứu và phát triển để đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

10.11 Chiến lược kinh doanh



Đánh giá tình hình thị trường trong và ngoài nước về việc tiêu thụ sản phẩm và hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo đã đề ra các định hướng phát triển trong năm 2024, cụ thể như sau:

❖ **Chiến lược kinh doanh:**

- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt tập trung thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Pháp, Hà Lan,... đối với mặt hàng GTGT, riêng thị trường BRICS tập trung mặt hàng tôm bán thành phẩm, cá tra đông lạnh, hạt điều và cafe.
- Tích cực tìm kiếm, giới thiệu sản phẩm của Công ty nhằm phát triển thị trường mới tại Anh.
- Đảm bảo 80% khách hàng hiện hữu phát sinh doanh thu tăng 10%/khách hàng/năm so với năm tài chính 2023.
- Định hướng xây dựng và M&A các nhà xưởng, nhà máy thu mua và sản xuất hạt điều, cafe tại Củ Chi, Đắk Nông, Bình Phước, Đắk Lắk, Gia Lai.
- Tiếp tục phát huy đưa thương hiệu Ochoo/HappyFood/HappyNoodles.. vào ít nhất 03 chuỗi nhà hàng/ Cửa hàng Fastfood/ Cửa hàng tiện lợi/ Đại lý.
- Tập trung đẩy mạnh các mặt hàng chủ lực của Công ty nhằm đẩy mạnh sản lượng và doanh thu.
- Tham gia các triển lãm quốc tế được tổ chức tại Tây Ban Nha (Seafood Expo Global), Trung Quốc (Sial Shanghai), Hàn Quốc (Seaoul Food), Singapore (Seafood Expo Asia), Đức (Anuga – Food & Beverage)
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài hiện hữu thiết lập mối quan hệ mua bán song phương; nhập khẩu hoặc nghiên cứu tạo ra dòng sản phẩm an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

❖ **Chiến lược mua hàng**

- Tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (Tôm, Bạch tuộc, cá..) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Tận dụng lợi thế vào vụ và giá tốt phối hợp để xuất kế hoạch mua trữ nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng thêm thế cạnh tranh khi chào bán.

❖ **Chiến lược sản xuất:**



- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho Nhà máy theo công nghệ tiên tiến.
- Duy trì thường xuyên kiểm soát nguyên liệu sản xuất, đảm bảo chất lượng và tiến độ sản xuất.
- Duy trì kiểm soát chi phí sản xuất: điện, nước, nước thải, chi phí bảo trì – sửa chữa, công cụ dụng cụ.
- Rà soát đơn hàng, kế hoạch sản xuất hàng tháng đối với các Bộ phận, Phòng ban liên quan nhằm đảm bảo kịp thời sản xuất- xuất khẩu.

❖ **Chiến lược tài chính**

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lập kế hoạch tài chính, nhân sự, máy móc, thiết bị để chuẩn bị đưa nhà máy HAH thuộc dự án Công ty TNHH Happyfood VietNam đi vào hoạt động trong năm 2024.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước..

❖ **Chiến lược nhân sự, lao động, tiền lương và chế độ**

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách.
- Tuyển dụng hoặc đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý kinh doanh.
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển.
- Xây dựng chính sách để giữ chân công nhân lao động có tay nghề, người lao động lâu năm.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đối với lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

**11.1 Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán****Bảng 11. Cơ cấu người lao động của Công ty**

STT	Tiêu chí	Năm tài chính 2022		Năm tài chính 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	563	100,00%	574	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	57	10,12%	65	11,32%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	60	10,66%	60	10,45%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	17	3,02%	11	1,92%
4	Lao động phổ thông	429	76,20%	438	76,31%
II	Theo giới tính	563	100,00%	574	100%
1	Nam	206	36,59%	206	35,89%
2	Nữ	357	63,41%	368	64,11%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	563	100,00%	574	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	139	24,69%	189	32,93%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	167	29,66%	100	17,42%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	257	45,65%	285	49,65%

Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**11.2.1 Chính sách nhân sự chung**

Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của Nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

11.2.2 Chính sách tiền lương

Hệ thống lương thưởng của Công ty được thực hiện theo tiêu chí Công bằng – Hợp lý – Cạnh tranh và được cấu trúc nhằm đảm bảo động lực thực hiện công việc của CBCNV. Công tác tiền lương tại Công ty được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương đã đăng ký với Cơ quan hữu quan và các cam kết với người lao động. Người lao động



được hưởng các chế độ thu nhập, tiến thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ trình độ, năng lực, trách nhiệm, năng suất lao động và chất lượng công việc.

11.2.3 Chính sách thưởng

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

Công ty có những chính sách khen thưởng nhằm tạo động lực, khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy khả năng và tối ưu hóa kết quả công việc được giao. Công ty khen thưởng theo định kỳ hoặc thưởng kịp thời cho những sáng kiến, cải tiến hoàn thành xuất sắc, vượt mức công việc được giao. Mọi thành tích, dù là nhỏ nhất đều được ghi nhận và thưởng xứng đáng, đảm bảo nhân viên được trả thưởng theo năng lực, cống hiến và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân.

Các chính sách đãi ngộ của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và cống hiến. CBCNV được tham gia khám sức khỏe toàn diện định kỳ. Nhân viên được tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn,...

11.2.4 Chính sách đào tạo

Với đặc thù là doanh nghiệp chế biến thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp, là doanh nghiệp thâm dụng nhiều lao động, vì vậy yếu tố con người luôn được SJ1 để cao. Trong năm, Công ty luôn đề ra các chương trình, lộ trình để phát triển kỹ năng và học tập để có đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đảm bảo chất lượng công việc, và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

- Vé tuyển dụng

Với một doanh nghiệp sản xuất, người lao động là một trong những yếu tố then chốt tạo nên giá trị sản phẩm, do đó công ty rất coi trọng công tác tuyển dụng. Trong năm 2022, lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển có tay nghề thấp năng suất thấp, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã áp dụng đồng thời các biện pháp sau:

- Tìm kiếm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển để thu hút lao động. Cài tạo nhà lưu trú cho công nhân.
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, xem xét đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp.
- Tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học



kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Môi trường công việc: Thấu hiểu tài sản quý giá nhất của một tổ chức là con người. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, ở vị trí nào. Chính vì thế, Công ty xây dựng một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp của bản thân đồng thời hoàn thiện về nhân cách.

- Về đào tạo

Đào tạo là một trong những hoạt động quan trọng của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhằm nâng cao khả năng người lao động, tạo thêm cơ hội việc làm, gia tăng thu nhập và phát triển người lao động. Qua đó gia tăng chất lượng và hiệu quả công việc, giữ chân người lao động với công việc và thu nhập phù hợp. Hằng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo bằng nhiều hình thức khác nhau: đào tạo tại chỗ, đào tạo trực tuyến,.... Bên cạnh đó, Công ty còn tuân thủ đào tạo để nâng cao ý thức của toàn bộ CBCNV về:

- Đào tạo An toàn Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn do Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Huyện thực hiện đào tạo.
- Đào tạo về Sơ cấp cứu cho đội sơ cấp cứu Nhà máy do Hội Chữ Thập Đỏ địa phương thực hiện.
- Thực hiện đào tạo nội bộ cho CBCNV Phòng máy về an toàn lao động.
- Đào tạo 100% cho công nhân tân tuyển về an toàn vệ sinh thực phẩm, định kỳ hằng năm đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm cho toàn bộ Công nhân tham gia sản xuất, định kỳ 3 năm/ lần.
- Đào tạo kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho toàn CBCNV Nhà máy do Nafiqad thực hiện.

Ngoài ra Công ty còn tổ chức đào tạo cho đội ngũ Nhân viên của Nhà máy do nội bộ và bên ngoài thực hiện về: Thực hiện kiểm soát điểm CCP, đào tạo thực hiện tuân thủ thủ tục BRC, ISO, HACCP, HALAL...

11.2.5 Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Bên cạnh đó, việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gắn gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc; tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

Công ty thực hiện trả đủ lương, thưởng năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho nhân viên.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:



Không có

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Như vậy, Công ty sẽ tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong năm tài chính 2021, 2022 và năm tài chính 2023, kế hoạch năm tài chính 2024 cụ thể như sau:

Chi tiêu	Năm tài chính 2021	Năm tài chính 2022	Năm tài chính 2023	Kế hoạch năm tài chính 2024
Tỷ lệ chi trả cổ tức (tiền mặt/ cổ phiếu)	Chi trả cổ tức năm tài chính 2021 bằng cổ phiếu: 6%	Chi trả cổ tức năm tài chính 2022 bằng tiền mặt: 6%	Chi trả cổ tức năm tài chính 2023 bằng tiền mặt: 5%	Chi trả cổ tức năm tài chính 2024 bằng tiền mặt: 6-8%

Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

13. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không tiến hành chào bán chứng khoán trong vòng 02 (hai) năm trở lại đây.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách



nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất

Bảng 12. Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021- 30/09/2022	01/10/2022- 30/09/2023	%Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024
Tổng giá trị tài sản	1.026.764	1.073.947	+4,60%	1.148.211
Vốn chủ sở hữu	303.711	299.495	-1,39%	307.028
Doanh thu thuần	1.331.826	1.396.760	+4,88%	753.354
Lợi nhuận từ HĐKD	11.012	17.301	+57,11%	12.485
Lợi nhuận khác	8.610	1.413	-83,59%	-764
Lợi nhuận trước thuế	19.621	18.714	-4,62%	11.722
Lợi nhuận sau thuế	12.511	10.355	-17,39%	7.854
Giá trị sổ sách	12.931	12.751	-1,38%	13.073
Tỷ lệ cổ tức	6%	5%	N/A	6% – 8%

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

**Hợp nhất:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021- 30/09/2022	01/10/2022- 30/09/2023	%Tăng/ giảm	01/10/2023 - 31/03/2024
Tổng giá trị tài sản	1.009.778	1.156.287	+14,51%	1.326.368
Vốn chủ sở hữu	303.563	330.086	+8,74%	350.613
Doanh thu thuần	1.331.826	1.396.760	+4,88%	753.354
Lợi nhuận từ HĐKD	11.742	17.692	+50,67%	12.310
Lợi nhuận khác	8.504	1.400	-83,54%	-767
Lợi nhuận trước thuế	20.246	19.092	-5,70%	11.543
Lợi nhuận sau thuế	12.988	10.586	-18,50%	7.664
Giá trị sổ sách	12.925	14.054	+8,74%	14.929
Tỷ lệ cổ tức	6%	5%	N/A	6% - 8%

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chi tiêu hoạt động kinh doanh: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

a) Những nhân tố thuận lợi

- Thương hiệu và uy tín của Công ty đã tạo lập với các đối tác trên thị trường: Việc mua nguyên liệu với số lượng lớn, thanh toán đầy đủ đúng hạn đã giúp Công ty tạo được mối quan hệ và uy tín, đôi bên cùng có lợi giữa Công ty và các đối tác cung ứng nguyên liệu. Vì vậy Công ty luôn nhận được sự tin nhiệm từ phía các nhà cung ứng nguyên liệu.
- Đội ngũ các cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, tương tác công việc tốt, hỗ trợ nhau tích cực giữa các phòng ban.
- Hệ thống nhóm khách hàng truyền thống, chủ động giao thương các giao dịch dài hạn, ổn định.



- Hệ thống quản lý chất lượng, quy trình sản xuất tốt, cho ra các dòng sản phẩm tươi sạch luôn đáp ứng được nhu cầu khách hàng và các thị trường khó tính.
- Thực hiện cơ cấu lại nhóm mặt hàng chủ lực, đẩy mạnh việc kinh doanh nhóm hàng này.
- Thường xuyên khảo sát, nắm bắt thị trường nên Công ty luôn có một lượng nguyên liệu chính dự trữ chất lượng ổn định để đảm bảo sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư máy móc thiết bị cho các nhà máy theo công nghệ mới, hiện đại, đủ đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các thị trường khó tính như Mỹ, EU.
- Việc kiểm tra chất lượng được quy định nghiêm ngặt; đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm được đào tạo và giàu kinh nghiệm.
- Tình hình kinh tế trong nước dần hồi phục, sản xuất trong nước đang đi vào ổn định.

b) Những nhân tố không thuận lợi

- Năm tài chính 2023 của Công ty diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục trải qua nhiều bất ổn trên nhiều phương diện bao gồm cả chính trị, kinh tế: sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn, diễn biến căng thẳng Nga - Ukraine cũng như xu hướng thắt chặt tài khóa, tiền tệ gia tăng trước bối cảnh lạm phát đạt mức kỷ lục tại nhiều quốc gia trên thế giới, việc giá cả nhiều mặt hàng thế giới tiếp tục xu hướng tăng gây nhiều áp lực lên giá cả đầu vào sản xuất tại Việt Nam.
- Nguồn nguyên liệu không ổn định, giá thành sản xuất cao: Thực tế, nguồn nguyên liệu hiện nay không ổn định do đầu vào sản xuất nguyên liệu như: thức ăn, con giống, hóa chất, kháng sinh đều phụ thuộc phần lớn vào các nguồn cung nước ngoài, các cơ quan quản lý chưa hoặc không kiểm soát được, dẫn đến dịch bệnh, chất lượng kém. Chi phí sản xuất cao hơn so với các nước khác khiến cho giá thành sản phẩm và giá xuất khẩu cao, làm giảm khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, Giá nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh trong quá trình thu mua nguyên liệu
- Thách thức về vấn đề lao động: Thủy sản là ngành cần lực lượng lao động lớn. Trong khi, thực trạng lao động trong ngành không ổn định, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã chú trọng đến các chính sách về quyền lợi của người lao động (lương, thưởng, đãi ngộ,...)
- Vốn cần để mua nguyên liệu lớn, nguồn vốn tự có của công ty không đủ đáp ứng, trong khi ngân hàng cung cấp hạn mức cho vay đối với các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

c) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:



- Sự hồi phục sau đại dịch Covid 19 sẽ mang lại hiệu quả cho các nền kinh tế, tăng dần nhu cầu tiêu dùng trong tương lai. Những chuyển biến tích cực này sẽ giúp Công ty tiếp tục giữ vững kết quả hoạt động trong hiện tại và là tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.
- Từ cuối tháng 2 năm 2022, xung đột Ukraine ảnh hưởng trực tiếp đến ngành khai thác thủy sản vì giá xăng dầu tăng quá cao, nhiều ngư dân cho tàu nằm bờ, thậm chí bán tàu bỏ nghề. Ngành chế biến hải sản vốn đã khó khăn về nguyên liệu lại càng thiếu hụt. Vì vậy, chi phí vật tư và nguyên liệu sản xuất đầu vào, chi phí logistic tiếp tục tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty, nhất là hoạt động xuất khẩu của Công ty. Theo Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) dự báo xuất khẩu thủy sản sẽ tiếp tục bị tác động bởi xung đột Nga – Ukraine. Tuy nhiên, ngành thủy sản vẫn có động lực tăng trưởng ở các thị trường lớn như Mỹ, EU, khi hoạt động giao thương, xúc tiến thương mại đã trở lại trạng thái bình thường, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam lại tham gia các hội chợ thủy sản quốc tế để kết nối và mở rộng khách hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 13. Bảng tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty

Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	01/10/2021- 30/09/2022	01/10/2022 – 30/09/2023	01/10/2023 - 31/03/2024
1	Vốn góp của chủ sở hữu	234.852	234.852	234.852
2	Thặng dư vốn cổ phần	46.429	46.429	46.429
3	Cổ phiếu quỹ	-10	-10	-10
4	Quỹ đầu tư phát triển	5.011	5.011	5.011
5	LNST chưa phân phối	17.429	13.213	20.746
a	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	4.918	2.858	12.892

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

STT	Nguồn vốn	01/10/2021- 30/09/2022	01/10/2022 – 30/09/2023	01/10/2023 - 31/03/2024
b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	12.511	10.355	7.854
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0
Vốn chủ sở hữu		303.711	299.495	307.028

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	01/10/2021- 30/09/2022	01/10/2022 – 30/09/2023	01/10/2023 - 31/03/2024
1	Vốn cổ phần	234.852	234.852	234.852
2	Thặng dư vốn cổ phần	46.429	46.429	46.429
3	Cổ phiếu quỹ	-10	-10	-10
4	Quỹ đầu tư phát triển	5.011	5.011	5.011
5	LNST chưa phân phối	17.282	13.383	20.879
a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	4.294	2.669	13.131
b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	12.988	10.714	7.748
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	30.421	43.453
Vốn chủ sở hữu		303.563	330.086	350.613

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.



2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 14 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 - 08 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Chi tiêu	Năm tài chính 2021	Năm tài chính 2022	Năm tài chính 2023
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.071.779	7.764.813	7.640.160

Nguồn: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Mức lương bình quân của người lao động tại SJ1 năm tài chính 2022 và năm tài chính 2023 lần lượt là 7.764.813 đồng và 7.640.160 đồng. So với mức lương cơ bản theo quy định của Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức trung bình với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn. Công ty luôn mong muốn người lao động được hưởng những chính sách, giá trị vật chất tinh thần xứng đáng với công sức mà người lao động đã cống hiến cho Công ty.

2.1.4. Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay của Công ty:

- Nợ vay tại thời điểm 01/10/2022, 30/09/2023 và 31/03/2024:



Bảng 14. Bảng Nợ vay của Công ty

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	593.350	609.250	+2,68%	639.196
-	Vay ngắn hạn	574.150	592.816	+3,25%	621.939
-	Nợ dài hạn đến hạn trả	19.201	16.434	-14,41%	17.257
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	42.075	30.328	-27,92%	23.563
-	Vay dài hạn	39.215	25.118	-35,95%	18.070
-	Nợ thuê tài chính	2.860	5.210	+82,17%	5.493
Tổng cộng		635.425	639.578	+0,65%	662.759

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	593.351	617.787	+4,12%	665.411
-	Vay ngắn hạn	574.150	592.816	+3,25%	621.939
-	Nợ dài hạn đến hạn trả	19.201	24.971	+30,06%	43.472
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	42.075	90.088	+114,11%	148.091
-	Vay dài hạn	39.215	84.878	+116,44%	142.599
-	Nợ thuê tài chính	2.860	5.210	+82,13%	5.493
Tổng cộng		635.426	707.874	+11,40%	813.502

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.



2.1.5. Tình hình công nợ

a) Tình hình công nợ phải thu

Bảng 15. Bảng tình hình công nợ phải thu

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải thu	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	281.643	255.408	-9,32%	299.995
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	249.636	170.648	-31,64%	206.847
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.741	3.249	-31,47%	8.266
3	Phải thu ngắn hạn khác	28.367	24.626	-13,19%	14.796
4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	56.972	N/A	70.086
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-1.100	-88	- 92,09%	0
II	Các khoản phải thu dài hạn	3.809	2.188	- 42,58%	2.542
1	Phải thu dài hạn khác	3.809	2.188	- 42,58%	2.542
	Tổng cộng	285.452	257.596	- 9,76%	302.537

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải thu	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	282.014	288.832	+2,42%	339.010
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	249.692	170.704	-31,63%	206.903
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.741	43.980	+827,65%	54.392
3	Phải thu ngắn hạn khác	28.681	17.263	-39,81%	7.629



STT	Các khoản nợ phải thu	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-1.100	-88	-92,00%	0
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	56.972	N/A	70.086
II	Các khoản phải thu dài hạn	3.809	2.188	-42,58%	2.542
1	Phải thu dài hạn khác	3.809	2.188	-42,58%	2.542
	Tổng cộng	285.823	291.020	+1,82%	341.552

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 30/09/2022, 30/09/2023 và 31/03/2024, Công ty không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn.

b) Tình hình công nợ phải trả

Bảng 16. Bảng Tình hình công nợ phải trả

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải trả	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/giảm	31/03/2024
I	Nợ ngắn hạn	648.283	674.597	+4,06%	737.223
1	Phải trả người bán ngắn hạn	32.650	30.718	-5,92%	57.185
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	902	1.023	+13,41%	311
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.777	19.935	+69,28%	22.639
4	Phải trả người lao động	3.522	4.555	+29,33%	5.754
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0	N/A	0
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	83	0	-100,00%	0
7	Phải trả ngắn hạn khác	6.000	9.116	+51,93%	12.139
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	593.350	609.250	+2,68%	639.196



STT	Các khoản nợ phải trả	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/giảm	31/03/2024
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,038	0,038	0%	0,038
II	Nợ dài hạn	74.769	99.855	+33,55%	103.960
1	Phải trả người bán dài hạn	28.694	34.073	+18,75%	27.235
2	Phải trả dài hạn khác	4.000	35.454	+786,35%	53.162
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	42.075	30.328	-27,92%	23.563
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	N/A	0
	Tổng cộng	723.052	774.453	+7,11%	841.183

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải trả	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
I	Nợ ngắn hạn	649.389	684.381	+5,39%	765.050
1	Phải trả người bán ngắn hạn	33.213	31.423	-5,39%	58.102
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	902	1.023	+13,41%	311
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.807	19.965	+69,10%	22.668
4	Phải trả người lao động	3.540	4.574	+29,18%	5.804
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0	N/A	105
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	83	0	-100,00%	0
7	Phải trả ngắn hạn khác	6.495	9.611	+47,96%	12.649
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	593.350	617.787	+4,12%	665.411
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,038	0,038	0%	0,038
II	Nợ dài hạn	56.826	141.820	+149,57%	210.705



STT	Các khoản nợ phải trả	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
1	Phải trả người bán dài hạn	10.603	15.982	+50,73%	9.145
2	Phải trả dài hạn khác	4.000	35.454	+786,35%	53.162
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	42.075	90.088	+114,11%	148.091
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	147	295	+100,68%	307
Tổng cộng		706.215	826.201	+16,99%	975.755

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Tại thời điểm 01/10/2022, 30/09/2023 và 31/03/2024, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu không có bất kỳ các khoản phải trả quá hạn. Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thực hiện tốt việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ đến hạn.

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 01/10/2022, 30/09/2023 và 31/03/2024 như sau:

Bảng 17. Bảng các khoản phải nộp năm của Công ty

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản Mục	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/giảm	31/03/2024
Khoản Phải nộp					
1	Thuế GTGT hàng nội địa	0	0	N/A	0
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	N/A	2
3	Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	N/A	5
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.090	13.953	+53,50%	16.194
5	Thuế Thu nhập cá nhân	1.038	1.498	+44,32%	1.548
6	Thuế tài nguyên	6	7	0,00%	14
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.639	4.477	+173,15%	4.876



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

STT	Khoản Mục	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/giảm	31/03/2024
8	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3	0	-100,00%	0
	Tổng cộng	11.777	19.935	+69,28%	22.639
Phải thu					
1	Thuế GTGT hàng nội địa	0	0	N/A	0
	Tổng cộng	0	0	N/A	0

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản Mục	01/10/2022	30/09/2023	%Tăng/ giảm	31/03/2024
Khoản Phải nộp					
1	Thuế GTGT hàng nội địa	-55	-55	0,00%	0
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	N/A	2
3	Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	N/A	5
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.090	13.953	+53,50%	16.194
5	Thuế Thu nhập cá nhân	1.068	1.527	+42,98%	1.577
6	Thuế tài nguyên	6	6	0,00%	14
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.639	4.477	+173,15%	4.876
8	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3	0	-100,00%	0
	Tổng cộng	11.751	19.909	69,42%	22.668
Phải thu					
1	Thuế GTGT hàng nội địa	55	0	-100,00%	0
	Tổng cộng	55	0	-100,00%	0

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

**2.1.7. Trích lập các quỹ**

Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Điều lệ Công ty và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Số dư các quỹ tại ngày 01/10/2022, 30/09/2023 và 31/03/2024 như sau:

Bảng 18. Bảng Trích lập các quỹ của Công ty**Công ty mẹ***Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Quỹ	01/10/2022	30/09/2023	31/03/2024
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0
2	Quỹ đầu tư phát triển	5.011	5.011	5.011
	Tổng cộng	5.011	5.011	5.011

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

Hợp nhất*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Quỹ	01/10/2022	30/09/2023	31/03/2024
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0
2	Quỹ đầu tư phát triển	5.011	5.011	5.011
	Tổng cộng	5.011	5.011	5.011

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 - 31/03/2024 đã được soát xét của SJ1.

2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có

**2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Công ty mẹ**

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm tài chính 2022	Năm tài chính 2023
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,93	0,88
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,42
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	70,42	72,11
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	238,07	258,59
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,32	1,33
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,17	2,07
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,38	3,95
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	0,94	0,74
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,21	3,43
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,24	0,99
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,88	1,27
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	535	428

Nguồn: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán

Hợp nhất:

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm tài chính 2022	Năm tài chính 2023
1. Chi tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,04	1,05
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,57	0,54
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn			



Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm tài chính 2022	Năm tài chính 2023
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,94	71,45
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	232,64	250,30
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,35	1,29
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,06	2,01
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,71	3,95
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,98	0,76
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,37	3,34
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,31	0,98
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,88	1,27
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	557	443

Nguồn: BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán

Chi tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, chi tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn các năm của SJ1 đều lớn hơn 1, cho thấy Công ty có đủ năng lực chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm tài chính 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn không có nhiều sự biến động, trong khi hệ số thanh toán nhanh có xu hướng giảm nhẹ, cụ thể giảm từ 0,57 lần xuống 0,54 lần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự tăng mạnh của hàng tồn kho, cụ thể hàng tồn kho ghi nhận tăng 50.842 triệu đồng, tương đương tăng 16,78% cùng kỳ. Tại thời điểm cuối năm tài chính 2023, giá nguyên liệu đầu vào của một số mặt hàng có xu hướng giảm nhờ vào giá thức ăn thủy sản đạt đỉnh vào tháng 6/2023 và có chiều hướng hạ nhiệt (giảm 300 đồng kể từ đỉnh 14.900 đồng/kg). Tận dụng thời điểm này, Công ty đánh giá các mặt hàng thiết yếu để mua dự trữ nhằm đảm bảo các đơn hàng mới có giá cạnh tranh hơn.

Đối với hệ số thanh toán ngắn hạn, cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều lần lượt tăng 7,17% và 5,39% nên hệ số thanh toán ngắn hạn không có nhiều biến động so với cùng kỳ. Trong năm tài chính 2023, bên cạnh mức tăng của hàng tồn kho, phải thu về cho vay ngắn hạn có xu hướng tăng



mạnh gần 56.972 triệu đồng, trong đó 36.000 triệu đồng đến từ việc SJ1 cho vay công ty liên quan cùng tập đoàn là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu, phần còn lại là các bên liên quan khác. Về nợ ngắn hạn, phần lớn chiếu hưởng tăng được đóng góp bởi vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, được dùng để hỗ trợ cho hoạt động bổ sung vốn lưu động của Công ty, đặc biệt vào thời điểm Công ty gia tăng hàng tồn kho vào cuối năm tài chính, kết quả là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 24.436 triệu đồng, tương đương tăng 4,12% so với cùng kỳ.

Chi tiêu về cơ cấu vốn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2023, SJ1 duy trì tỷ trọng nợ cao hơn vốn chủ sở hữu với 71,45% trên tổng tài sản, có xu hướng tăng so với cùng kỳ, chủ yếu là do nợ phải trả ghi nhận tăng 6,99% trong khi vốn chủ sở hữu chỉ gia tăng 8,74%. Sở dĩ có sự thay đổi này là do trong năm tài chính 2023, Công ty gia tăng vay vốn ngân hàng một mặt bổ sung vốn lưu động trong ngắn hạn, một mặt chú trọng đầu tư mở rộng nhà máy và máy móc thiết bị. Cụ thể, Công ty đã và đang đầu tư dự án Trung tâm thương mại và Căn hộ cao cấp SJ1 Plaza, sửa chữa văn phòng tại Âu Cơ, đặc biệt là dự án nhà máy Happyfood Vietnam HAH tại Đồng Tháp,... Thời điểm cuối năm tài chính, SJ1 ghi nhận tài sản dài hạn tăng 29,12%, trong đó tài sản dở dang dài hạn tăng 690,91%, thể hiện nỗ lực hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao năng lực sản xuất theo kế hoạch của Công ty. Để tài trợ cho hoạt động đầu tư, vay và nợ thuê tài chính dài hạn ghi nhận tăng 114,11%, tương ứng giá trị tuyệt đối là 48.013 triệu đồng. Về phía vốn chủ sở hữu, do sự giảm sút lợi nhuận so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại báo cáo tài chính hợp nhất có xu hướng giảm 22,56%, tương đương gần 3.899 triệu đồng, tuy nhiên phần lợi ích cổ đông không kiểm soát hơn 30.421 triệu đồng đã hỗ trợ cho mức tăng chung của vốn chủ sở hữu.

Chi tiêu về năng lực hoạt động

Kết thúc năm tài chính 2023, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay vốn lưu động và vòng quay tổng tài sản của Công ty lần lượt đạt 3,95 vòng, 2,01 vòng và 1,29 vòng, cả ba đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ, cụ thể giảm 0,75 vòng, 0,05 vòng và 0,06 vòng. Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt liên quan mật thiết đến thủy sản, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay vốn lưu động và vòng quay tài sản của công ty cần ở giá trị cao, hiện tại, con số 3,95 vòng, 2,01 vòng và 1,29 vòng là phù hợp. Nguyên nhân chủ yếu có sự giảm sút trong vòng quay hàng tồn kho là do thời điểm cuối năm tài chính, Công ty tăng cường bổ sung hàng tồn kho, một mặt mua vào do giá nguyên vật liệu có chiều hướng hạ nhiệt, một mặt lưu trữ chuẩn bị cho nhu cầu mua sắm cao vào cuối năm 2023, tương ứng là quý I năm tài chính 2024 của SJ1. Về vòng quay tổng tài sản, doanh thu thuần ghi nhận tốc độ tăng trưởng 4,88% nhờ vào lượng đơn hàng tích cực trong nội địa. Trong khi tài sản tăng 14,51% do phần tài sản dở dang dài hạn khi đầu tư vào dự án nhà máy. SJ1 đang trong



giai đoạn đầu tư mở rộng nên có sự giảm sút vòng quay tài sản, tuy nhiên trong tương lai sau khi dự án nhà máy hoàn thành, SJ1 sẽ nỗ lực tận dụng hiệu quả nguồn lực và xây dựng cấu trúc tài sản tối ưu.

Chi tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, ngoại trừ chỉ tiêu Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm tài chính 2023 đều giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, các chỉ số tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS), tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA) lần lượt đạt 0,76%; 3,34%; 0,98%; giảm 0,22%; 1,03%; 0,34% so với cùng kỳ, trong khi hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đạt 1,27%, cao hơn 0,38% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự giảm sút của lợi nhuận khác, với mức giảm hơn 7.123 triệu đồng. Tại năm tài chính 2022, Công ty có một khoản thu nhập từ việc xử lý các công nợ với giá trị lên đến 6.748 triệu đồng dẫn tới khoản mục Lợi nhuận khác năm tài chính 2022 tăng mạnh so với cùng kì năm trước, đạt 8.504 triệu đồng. Tại năm tài chính 2023, khoản thu nhập bất thường này không còn phát sinh, do đó khiến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giảm mạnh so với cùng kỳ, cụ thể đạt 10.568 triệu đồng, giảm 8,49% cùng kỳ. Mặt khác, việc chi phí nguyên vật liệu cả về đánh bắt và nuôi trồng giữ mức cao trong nửa đầu năm 2023 và chi phí lãi vay gia tăng cũng phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận mục tiêu của SJ1. Trong tương lai, SJ1 gia tăng mở rộng tệp khách hàng, tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với giá cả hợp lý, từ đó nỗ lực cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính của Công ty: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- **Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022 được kiểm toán của Công ty:**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 02-2/BC KT/TC ngày 12/12/2022, ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022 đã được kiểm toán của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."*
- **Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022 được kiểm toán của Công ty:**



Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 03-2/BC KT/TC ngày 12/12/2022, ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022 đã được kiểm toán của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."*

- **Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 được kiểm toán của Công ty:**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 40/2023/BCKT/SV-VP, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt – Tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã được kiểm toán của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."*

- **Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 được kiểm toán của Công ty:**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 40.HN/2023/BCSX/SV-VP, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt – Tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã được kiểm toán của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."*

- **Về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/03/2024 đã được soát xét của Công ty:**

Tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 529/BCKT-TC/2024/AASCS ngày



24/05/2024, ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam – Tổ chức thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/03/2024 đã được soát xét của Tổ chức phát hành: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 31/03/2024, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ."

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/03/2024 đã được soát xét của Công ty:

Tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 530/BCKT-TC/2024/AASCS ngày 24/05/2024, ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam – Tổ chức thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/03/2024 đã được soát xét của Tổ chức phát hành: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 31/03/2024, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ."

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm tài chính 2024

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024 cụ thể như sau:

Bảng 19. Bảng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chi tiêu	ĐVT	Năm tài chính 2024	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với thực hiện năm trước
Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	1.600.000	+14,55%
Lợi nhuận trước thuế (*)	Triệu đồng	38.000	+99,04%



Chi tiêu	ĐVT	Năm tài chính 2024	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với thực hiện năm trước
Lợi nhuận sau thuế (**)	Triệu đồng	30.400	+187,17%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (**)	%	1,90%	N/A
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (***)	%	6,30%	N/A
Cổ tức (*)	%/ Năm	Từ 6-8%	N/A

Nguồn: CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu

(*): Các chi tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 của CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu phê duyệt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 số 01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2023

(**): Lợi nhuận sau thuế được tính toán trên cơ sở Lợi nhuận trước thuế đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 thông qua và thuế suất TNDN tạm tính 20% của hoạt động kinh doanh.

(***): Vốn chủ sở hữu dự kiến trong năm 2024 được tạm tính bằng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2023 cộng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán trong năm tài chính 2024 (chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) = 330.085.673.925 + 305.293.872.000 = 635.379.545.925 đồng.

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm tài chính 2024 do ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 của CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu phê duyệt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 số 01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2023.

4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

✚ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu, Công ty đã có kế hoạch thực hiện như sau:

❖ CÔNG TÁC KINH DOANH.

- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng đến thị trường Trung Quốc, UAE.



- Tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu; quảng bá thương hiệu HungHau thông qua các khách hàng hiện hữu như: GDF, EMI, KOH.. và thông qua các hội chợ trong và ngoài nước, các mạng xã hội và kênh B2B khác.
- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm nhãn hiệu Happyfood trong thị trường nội địa, đa dạng mặt hàng mới như Chà lụạ, xúc xích, bánh hải sản ăn liền, bánh trái cây.... Tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Tham gia hiệp hội Am Cham/ Euro Cham, các hội nghị/ diễn đàn xúc tiến & kết nối giao thương, các kênh bán hàng B2B....
- Phát triển mạnh mẽ hàng Giá trị gia tăng và Nông sản tại thị trường Nga, Trung Quốc và mở rộng phát triển mặt hàng Tôm nguyên liệu tại thị trường Châu Á (Hàn quốc, Singapore, Trung Quốc..) và Châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan...).
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi cũng như nghiên cứu tạo ra các dòng sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Đưa vào vận hành hệ thống chăm sóc khách hàng Dynamic Sales 365.

❖ CÔNG TÁC SẢN XUẤT.

- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng;
- Thực hiện rà soát, theo dõi và thực hiện các biện pháp cải tiến đáp ứng mục tiêu về:
 - + Mục tiêu Sản lượng
 - + Mục tiêu Định mức
 - + Mục tiêu Chất lượng
 - + Mục tiêu về Kỹ thuật Cơ điện
 - + Mục tiêu Đầu tư máy móc thiết bị



- + Mục tiêu Phát triển sản phẩm mới.
 - Dự kiến đầu tư máy móc thiết bị giảm công lao động và tăng năng suất như: Băng tải chế biến tự động, bàn 99 hạn tải trong sản xuất, các máy móc thiết bị khác.
 - Thực hiện kiểm soát Nguyên liệu đầu vào theo đúng tiêu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng khó tính như: Nhật Bản, EU, Hàn Quốc...
 - Tiếp tục duy trì thực hiện công tác đào tạo CBCNV về Phòng cháy chữa cháy- cứu hộ cứu nạn, Chất lượng An toàn vệ sinh thực phẩm, Đào tạo kiến thức về BRC, ISO, HACCP..., Vận hành máy móc thiết bị
 - Tiếp tục duy trì Môi trường làm việc thân thiện, gắn kết, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau với phương châm xây dựng tập thể Công ty như 1 gia đình thứ 2. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp giữ chân Công nhân và tăng cường tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của Nhà máy.
- ❖ **CÔNG TÁC MUA HÀNG.**
- Tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (tôm, bạch tuộc, cá,...) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
 - Chủ động tích trữ một số nguyên liệu có giá cả tốt dựa vào nhu cầu đặt hàng của khách hàng.
- ❖ **CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:**
- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện cung cấp kịp thời các số liệu báo cáo để thực hiện dự án nhà máy HAH.
 - Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- ❖ **CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ:**
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách;
 - Tuyển dụng hoặc đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý kinh doanh;
 - Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy;
 - Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển;



- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề.

❖ CÁC HỢP ĐỒNG, HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, ĐẦU TƯ ĐANG THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN TRIỂN KHAI TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2024:

Bảng 20. Các Hợp đồng sản phẩm/dịch vụ SJ1 mua của đối tác

STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
1	PLHD 002 HĐNT 020/F&B- DN/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga	Tôm	77.606.650	01/12/2023	Tháng 12/2023	Không
2	PL 001 071/F&B- HL/2023	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	Tôm	493.190.000	19/07/2023	Tháng 07/2023	Không
3	113/F&B- HP/2023	Công ty TNHH Thương Mại Hồng Phú	Bạch tuộc	2.440.000.000	15/08/2023	Tháng 12/2023	Không
4	130/F&B- DA/2023	Công ty TNHH Thương Mại Thủy Sản Đức Anh	Tôm	597.370.800	08/11/2023	Tháng 11/2023	Không
5	139/F&B- DA/2023	Công ty TNHH Thương Mại Thủy Sản Đức Anh	Tôm	671.700.000	21/11/2023	Tháng 12/2023	Không
6	139/F&B- DA/2023 - PL 001	Công ty TNHH Thương Mại	Tôm	234.849.000	08/12/2023	Tháng 12/2023	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
		Thủy Sản Đức Anh					
5	703/HĐBTP/XC-HHA	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	Thủy sản	1.895.522.394	19/12/2023	Tháng 12/2023	Không
6	706/HĐBTP/XC-HHA	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	Thủy sản	1.894.955.451	21/12/2023	Tháng 12/2023	Không
7	724.HHA-TĐ/HĐMB-09112023	Công ty TNHH Quốc tế Thiên Điều	Thủy sản	1.856.510.712	09/11/2023	Tháng 11/2023	Không
8	717.HHA-TĐ/HĐMB-01112023	Công ty TNHH Quốc tế Thiên Điều	Thủy sản	1.660.274.024	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
9	640/HĐMB/GL B-HHA	Công ty TNHH Thủy Sản Global Việt Nam	Thủy sản	1.878.572.716	04/12/2023	Tháng 12/2023	Không
10	649/HĐMB/GL B-HHA	Công ty TNHH Thủy Sản Global Việt Nam	Thủy sản	1.875.235.794	20/12/2023	Tháng 12/2023	Không
11	625/HĐMB/GL B-HHA	Công ty TNHH Thủy	Thủy sản	1.887.946.062	08/11/2023	Tháng 11/2023	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
		Sàn Global Việt Nam					
12	PL 007 – Hợp đồng số 017/HĐNT/VFK /2023	Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	Bột	692.566.155	01/07/2023	Tháng 07/2023	Không
13	PL 18 - Hợp đồng số 2023	Công ty TNHH Nitto Fuji International VN	Bột	595.095.800	01/07/2023	Tháng 07/2023	Không
14	PL HDMB 11/2023 – HĐNT số 03/2023	Công ty Cổ Phần Bao Bi Giấy An Hạ	Bao bì	822.136.349	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
15	PLHĐMB 11/2023 - HĐNT số 001/2023/HĐ- HCM	Công ty TNHH Hải Nam - Chi Nhánh TP.HCM	Bao bì	237.009.240	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
16	PKHĐMB số 11/2023 – HĐNT số 001/HĐNT- NNHH/2023	Công ty TNHH Tân Ngọc Diệu	Bao bì	345.111.840	01/11/2023	Tháng 11/2023	Không
17	PLHĐMB số PLHD/06.10.20 23/CN-HH – HĐCCHH số: 01/01/23 HĐMB/CN-HH	Công Ty TNHH Sản Xuất Thực Phẩm Cô Năm	Bánh tráng gạo	285.984.000	06/10/2023	Tháng 10/2023	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 mua của đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
18	PLHĐMB số PLHD/04.12.2023/CN-HH – HĐCCHH số: 01/01/23 HĐMB/CN-HH	Công Ty TNHH Sản Xuất Thực Phẩm Cô Năm	Bánh trắng gạo	129.600.000	04/12/2023	Tháng 12/2023	Không

Bảng 21. Các Hợp đồng sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp cho khách hàng

STT	Tên hợp đồng	Tên Khách hàng	Sản phẩm/dịch vụ của SJ1	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
1.	HHA/SKR 071-S02/22	SHOKURYU	Xiên que tấm bột	2.997.850,020 VNĐ (~\$130.398)	07/03/2022	Từ tháng 06/2022 - tháng 12/2022	Không
2.	HHA/SKR 073-T05/22	SHOKURYU	Bạch tuộc tấm bột	5.457.750.000 VNĐ (~\$237.500)	10/03/2022	Từ tháng 07/2022 - tháng 11/2022	Không
3.	HHA/SKR 074-T06/22	SHOKURYU	Bạch tuộc tấm bột	5.662.000.000 VNĐ (~\$237.500)	11/03/2022	22/11/2022 - 28/12/2022	Không
4.	HHA/SKR 042-T02/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tấm bột	12.844.800.000 VNĐ (~\$535.200)	20/02/2023	Tháng 11/2023	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Khách hàng	Sản phẩm/dịch vụ của SJ1	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
5.	HHA/SKR 050-T05/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	3.394.560.000 VNĐ (~141.440)	03/03/2023	Tháng 11/2023	Không
6.	HHA/SKR 092-T07/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	10.584.000.000 VNĐ (~441.000)	08/06/2023	Tháng 11/2023	Không
7.	HHA/SKR 093-T08/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	10.584.000.000 VNĐ (~441.000)	08/06/2023	Tháng 01/2024	Không
8.	HHA/SKR 107-T09/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	1.674.240.000 VNĐ (~69.760)	30/06/2023	Tháng 07/2023	Không
9.	HHA/SKR 108-T10/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	2.511.360.000 VNĐ (~104.640)	30/06/2023	Tháng 08/2023	Không
10.	HHA/TAN 095-13/22	TANG FRERES S.A	Tôm bột	3.078.446.540 VNĐ (~\$131.924)	06/06/2022	Tháng 05/2023	Không
11.	HHA/TAN 091-03/23	TANG FRERES S.A	Tôm bột	2.384.640.000 VNĐ (~99.360)	07/06/2023	Tháng 11/2023	Không
12.	HHA/TAN 132-05/23	TANG FRERES S.A	Tôm bột	2.315.520.000 VNĐ (~96.480)	12/09/2023	Tháng 12/2023	Không
13.	HHA/TMC 119-01/22	TMC CO.,LTD	Bánh tôm	30.384.053.700 VNĐ (~\$1.291.290)	05/08/2022	Từ tháng 09/2022 - tháng 02/2023	Không



STT	Tên hợp đồng	Tên Khách hàng	Sản phẩm/dịch vụ của SJ1	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
14.	HHA/TMC 120-02/22	TMC CO.,LTD	Bánh tôm	30.851.500.680 VNĐ (~\$1.311.156)	06/08/2022	Tháng 06/2023	Không
15.	HHA/SKR 021-T01/2023	SHOKURYU	Bạch tuộc tẩm bột	6.080.082.000 VNĐ (~\$252.600)	05/12/2022	28/12/2022 và 09/02/2023	Không
16.	HHA/HPL 019-01/23	HOMEPLUS CO., LTD	Tôm bột, menbosa và hàng Giá trị gia tăng khác	4.899.665.130 VNĐ (~\$203.559)	05/12/2022	Tháng 03/2023	Không
17.	HHA/GDF 021-07/24	GOLDENFIT CO.,LTD	Chà giò	2.093.040.000 VNĐ (~\$87.210)	13/11/2023	Tháng 03/2024	Không

4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Với vai trò là Tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên môn và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua, chúng tôi cho rằng: Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong năm tài chính 2024 mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và có thể đảm bảo được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG****1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389 cấp lần đầu vào ngày 10/07/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn**2.1. Đối với cổ đông là cá nhân (nêu tên, năm sinh, quốc tịch, số lượng và tỷ lệ sở hữu)**

Không có

2.2. Đối với cổ đông là tổ chức**Bảng 22. Bảng Cổ đông là tổ chức của Công ty**

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ trọng % vốn điều lệ
1	Công ty cổ phần Phát Triển Hùng Hậu	12.044.816	51,287%
2	Trường Đại Học Văn Hiến	1.891.391	8,053%
3	Tổng công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.347.453	9,996%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 31/12/2023

❖ Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu

- Ngày thành lập: 12/04/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309929580
- Địa chỉ trụ sở chính: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ (31/12/2022): 801.236.000.000 đồng



- Tên người đại diện theo pháp luật: Trần Văn Hậu
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của CTCP Phát Triển Hùng Hậu tại SJ1 là 51,287%
- Người đại diện vốn theo ủy quyền tại SJ1:
 - ✓ Từ Thanh Phụng đại diện 1.055.034 cổ phần tương đương 4,49% VDL
 - ✓ Huỳnh Thanh đại diện 844.027 cổ phần tương đương 3,59% VDL
 - ✓ Phạm Thị Minh Nguyệt đại diện 2.375.936 cổ phần tương đương 10,12 % VDL
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
 - ✓ Năm 2021: 6% /mệnh giá bằng cổ phiếu.
 - ✓ Năm 2022: 6%/mệnh giá bằng tiền mặt.
 - ✓ Năm 2023: 5%/mệnh giá bằng tiền mặt.
- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:

STT	Tên hợp đồng/ giao dịch	Tên khách hàng	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
1	001-2022/HHA-HHO	Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu	Cho thuê xe	32.500.000đ/tháng (chưa VAT)	01/01/2022	Từ tháng 01/2022
2	HHA-HHO/01/2023	Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu	Quà tết	32.566.000	03/01/2023	Tháng 01/2023
3	001-2023/HHA-HHO	Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu	Cho thuê xe	32.500.000đ/tháng (chưa VAT)	01/04/2023	Tháng 04/2023

Cấp có thẩm quyền chấp thuận các loại hợp đồng, giao dịch trên là Hội đồng quản trị

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có



❖ Trường Đại Học Văn Hiến

- Ngày thành lập: 11/7/1997
- Quyết định số 517/TTg của Thủ tướng Chính phủ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: 665-667-669 Điện Biên Phủ - Phường 01 - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ (31/12/2022): 467.933.000.000 đồng
- Tên người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh Đức
- Ngành nghề kinh doanh chính: Giáo dục nghề nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Trường Đại học Văn Hiến tại SJ1 là 8,053%
- Người đại diện vốn theo ủy quyền tại SJ1: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
 - ✓ Năm 2021: 6% /mệnh giá bằng cổ phiếu
 - ✓ Năm 2022: 6%/mệnh giá bằng tiền mặt
 - ✓ Năm 2023: 5%/mệnh giá bằng tiền mặt
- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:

STT	Tên hợp đồng/ giao dịch	Tên khách hàng	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
1	Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/HĐ-VHU613/2021	Trường Đại học Văn Hiến	Thuê mặt bằng	702.000.000đồng/tháng (chưa VAT)	Năm 2021	01/10/2021-30/09/2024
2	Hợp đồng thuê mặt bằng số 02/HĐ-VHU624/2021	Trường Đại học Văn Hiến	Thuê mặt bằng	670.800.000đồng/tháng (chưa VAT)	Năm 2021	01/10/2021-30/09/2024
3	Hợp đồng thuê mặt bằng số 03/HĐ-VHU642/2021	Trường Đại học Văn Hiến	Thuê mặt bằng	500.000.000đồng/tháng (chưa VAT)	Năm 2021	01/10/2021-30/09/2024



STT	Tên hợp đồng/ giao dịch	Tên khách hàng	Sản phẩm/dịch vụ SJ1 cung cấp	Giá trị (VNĐ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
4	Hợp đồng thuê mặt bằng số 02/HĐ- VHU736.738ĐBP/2 022	Trường Đại học Văn Hiển	Thuê mặt bằng	600.000.000đồng/ tháng (chưa VAT)	Năm 2021	01/10/2021- 30/09/2024
5	Hợp đồng thuê căn tin số 03/HĐ- VHU.CT/2022	Trường Đại học Văn Hiển	Thuê căn tin	600.000.000đồng/ tháng (chưa VAT)	Năm 2021	01/10/2021- 30/09/2024

Cấp có thẩm quyền chấp thuận các loại hợp đồng, giao dịch trên là Hội đồng quản trị

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Tổng công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần**

- Ngày thành lập: 31/03/2011
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210
- Địa chỉ trụ sở chính: 2-4-6 Đống Khôi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ (31/12/2022): 1.250.000.000.000 đồng
- Tên người đại diện theo pháp luật: Mai Xuân Phong
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác thủy sản biển
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổng công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần tại SJ1 là: 9,996%
- Người đại diện vốn theo ủy quyền tại SJ1: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
 - ✓ Năm 2021: 6% /mệnh giá bằng cổ phiếu
 - ✓ Năm 2022: 6%/mệnh giá bằng tiền mặt
 - ✓ Năm 2023: 5%/mệnh giá bằng tiền mặt
- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện: Không có



3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn

Bảng 23. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn

Tên	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 31/03/2024		Dự kiến sau đợt phát hành (*)	
		Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Phát Triển Hùng Hậu và Những người có liên quan							
Công ty cổ phần Phát Triển Hùng Hậu		870.000	22,60%	12.044.816	51,287%	24.089.632	51,287%
Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT của CTCP Phát triển Hùng Hậu và Chủ tịch HĐQT của SJ1	-	-	254.716	1,08%	509.432	1,08%
Huỳnh Thanh	Thành viên HĐQT của CTCP Phát triển Hùng Hậu và Thành viên HĐQT của SJ1	-	-	194.124	0,826%	388.248	0,826%



Tên	Mối quan hệ	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 31/03/2024		Dự kiến sau đợt phát hành (*)	
		Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trường Đại Học Văn Hiến và Những người có liên quan							
Trường Đại Học Văn Hiến		1.699.364	8,05%	1.891.391	8,053%	3.782.782	8,053%
Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch Điều hành Trường Đại học Văn Hiến và Phó Chủ tịch HĐQT của SJ1	-	-	200.999	0,826%	401.998	0,826%
Tổng công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần và Những người có liên quan							
Tổng công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần		660.000	5,80%	2.347.453	9,996%	4.694.906	9,996%

Nguồn: CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu

(*) Trong trường hợp các cổ đông thực hiện hết quyền



4. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Vũ Quang Chính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Bà Huỳnh Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán
5	Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

4.1.1. Ông Từ Thanh Phụng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên: TỬ THANH PHỤNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/05/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1999 đến 2007: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long.
- Từ 2007 đến 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- Từ 2011 đến 05/2014: Công tác tại CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2012 đến 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 04/2014 đến 26/09/2017: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 06/2014 đến 02/10/2017: Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 26/09/2017 đến 14/01/2019: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 14/01/2019 đến 02/12/2021: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu



- Từ 15/12/2020 đến 02/12/2021: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 01/01/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Phát Triển Hùng Hậu
- Từ 02/12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Phát Triển Hùng Hậu

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.309.750 cổ phiếu, chiếm 5,57% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 1.055.034 cổ phiếu, chiếm 4,49% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 254.716 cổ phần, chiếm 1,08% vốn điều lệ

Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vô Thị Thùy Trang	Vợ	084183005298	21/03/2022	Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Lâm Thị Huỳnh	Mẹ	084143000059	31/03/2021	Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Từ Hạnh Loan	Chị gái	084169006235	22/11/2021	Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Từ Thanh Vũ	Em trai	084082010051	29/03/2022	Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Từ Thanh Huyền	Em trai	084085006615	20/07/2022	Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Từ Khánh Linh	Con gái	-	-	-	0	0
Từ Khánh Hoàng	Con trai	-	-	-	0	0



Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	TV HĐQT	0309929580	12/04/2010	Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM	1.055.034	4,49%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: không có
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ SJ1:

Năm tài chính	Tiền Lương, thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)
2022	360.387.345	69.300.000
2023	507.916.250	72.000.000
01/10/2023 - 31/03/2024	264.875.600	36.000.000

- + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có

4.1.2. Phạm Thị Minh Nguyệt – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên: PHẠM THỊ MINH NGUYỆT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/5/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật học

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2007: Trợ lý Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Tiếp thị ứng dụng Thông Thái
- Từ 2007 đến 2008: Tư vấn pháp lý Công ty TNHH Tư vấn & Quản lý Liên Hiệp Việt
- Từ 2008 đến 2013: Chuyên viên pháp chế Công ty TNHH Phần mềm Đông Nam Á



- Từ 2013 đến 09/2016:
 - + Chuyên viên pháp chế CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - + Chuyên viên Văn phòng Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - + Giảng viên thỉnh giảng tại Trường ĐH Văn Hiến
- Từ 09/2016 -12/2017:
 - + Chánh Văn phòng Ban điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - + Giảng viên thỉnh giảng tại trường Đại học Văn Hiến
- Từ 11/2017 đến 01/5/2019:
 - + Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giáo dục Hùng Hậu
 - + Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Văn Hiến
- Từ 05/2019 đến 04/2021: Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 28/12/2019 đến 27/11/2021: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 04/2021 đến 10/2022: Phó hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến
- Từ 02/12/2021 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 10/2022 đến nay: Phó Chủ tịch Điều hành Trường Đại học Văn Hiến

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch Điều hành Trường Đại học Văn Hiến

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.576.935 cổ phiếu, chiếm 10,975% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 2.375.936 cổ phiếu, chiếm 10,12% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 200.999 cổ phần, chiếm 0,855% vốn điều lệ

Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bùi Thị Thu Nga	Mẹ	083157006272	7/02/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	0	0



Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phạm Quang Đông	Em trai	082085005750	7/02/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	0	0
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	TV HĐQT	0309929580	12/04/2010	Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM	2.375.396	10,12%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: không có
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ SJ1:

Năm tài chính	Tiền Lương, thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)
2022	0	69.300.000
2023	0	61.200.000
01/10/2023 - 31/03/2024	0	30.600.000

- + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có

4.1.3. Ông Vũ Quang Chính – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và Tên: VŨ QUANG CHÍNH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/12/1986

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác:

- Từ 06/2009 đến 06/2012: Chuyên viên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
- Từ 07/2012 đến 04/2017: Giám đốc Tài chính, Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 04/2017 đến 04/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP Giáo dục Hùng Hậu
- Từ 04/2018 đến 01/2019: Giám đốc Điều hành tài chính Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 01/2019 đến 05/2019: Quyền Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 05/2019 đến 07/2021: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 07/2021 đến 10/2021: Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 10/2021 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 03/2022 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Thực Phẩm Hùng Hậu

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty CP Thực Phẩm Hùng Hậu

Số cổ phiếu nắm giữ: 165.953 cổ phiếu, chiếm 0,70% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 165.953 cổ phần, chiếm 0,70% vốn điều lệ

Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vũ Văn Sinh	Cha	072057001922	4/10/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0
Trần Thị Lụa	Mẹ	072163003375	4/10/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0



Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vũ Thị Cẩm Vân	Chị gái	072185005391	10/05/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0
Vũ Quang Liêm	Em trai	072088002663	12/08/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0
Vũ Quang Dũng	Em trai	072090007971	10/04/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0
Vũ Thị Thảo Vy	Em gái	072193003092	11/10/2022	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0
Vũ Thị Ngọc Anh	Em gái	072196009417	28/06/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0
Nguyễn Quỳnh Vy	Vợ	075185006273	25/02/2022	Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: không có
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ SJ1:

Năm tài chính	Tiền Lương, thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)
2022	422.680.300	40.500.000
2023	400.732.575	54.000.000
01/10/2023 - 31/03/2024	200.706.720	27.000.000

- + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có



4.1.4. Bà Huỳnh Thanh– Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

Họ và Tên: HUỖNH THANH

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/11/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 đến 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Mỹ Anh.
- Từ 2006 đến 2012: Quản lý nhóm Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đồng Khởi.
- Từ 2014 đến 2018: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 2015 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2018 đến 12/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 12/2019 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 02/2020 đến nay: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu, Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.038.151 cổ phiếu, chiếm 4,416% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 844.027 cổ phiếu, chiếm 3,59% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 194.124 cổ phần, chiếm 0,826% vốn điều lệ



Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vô Văn Thanh	Chồng	080077009273	13/06/2022	Cục trưởng Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Vô Thanh Ngọc	Con gái	-	-	-	0	0
Vô Khánh Ngọc	Con gái	-	-	-	0	0
Huỳnh Văn Dò	Cha	080040002477	26/06/2015	Cục trưởng Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Vô Thị Sông Hương	Mẹ	082144006825	9/08/2013	Cục trưởng Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Huỳnh Trang	Chị gái	080170010869	12/01/2022	Cục trưởng Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Huỳnh Nhung	Chị gái	080175011301	11/02/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát & QLHC về TTXH	0	0
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	TV HĐQT	0309929580	12/04/2010	Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM	844.027	3,59%

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: không có



+ Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ SJ1:

Năm tài chính	Tiền Lương, thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)
2022	0	54.000.000
2023	0	54.000.000
01/10/2023 - 31/03/2024	0	27.000.000

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có

4.1.5. Bà Lê Thị Thủy Phương - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Họ và Tên: LÊ THỊ THỦY PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 2002 đến 2005: Trường Informatics Việt Nam, Chuyên viên giáo vụ
- Từ 2006 đến 2008: Trường Informatics Việt Nam, Phó phòng giáo vụ
- Từ 2008 đến 2013: Viện nghiên cứu và đào tạo Quảng cáo, Phó trưởng Phòng đào tạo
- Từ 2014 đến 2016: Trường Đại học Văn Hiến, Chuyên viên Viện Doanh trí
- Từ 2016 đến 2017: Trường Cao đẳng Vạn Xuân, Phó Hiệu trưởng
- Từ 2017 đến 06/2020: Trường Trung cấp Y Dược Vạn Hạnh, Hiệu trưởng
- Từ Tháng 09/2019 đến 2021: Công ty Cổ phần giáo dục Hùng Hậu, Phó Tổng Giám đốc
- Từ Tháng 09/2021: Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu, Tổng Giám đốc.
- Từ Tháng 12/2022 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có



Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lê Đình Trường	Cha	052047003038	20/01/2022	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0
Trần Thị Phải	Mẹ	077151004307	27/12/2021	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0
Lê Thị Thùy Trang	Chị gái	077174004614	27/12/2021	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0
Lê Thị Bích Ngọc	Em gái	077182007436	2/07/2021	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0
Lê Thị Bích Hiền	Em gái	077184008100	23/08/2021	Bình Dương	0	0
Lê Thị Mỹ Nhân	Em gái	075187000720	11/12/2017	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0
Lê Tấn Đức	Em trai	077090011550	27/12/2021	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0
Nguyễn Hải Đăng	Chồng	079078033371	12/01/2022	TP. HCM	0	0

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: không có
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ SJ1:

Năm tài chính	Tiền Lương, thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)
2022	0	0
2023	0	40.500.000
01/10/2023 - 31/03/2024	0	27.000.000



- + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có

4.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Quang Chính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Nguyễn Việt Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng Giám đốc

4.2.1 Ông Vũ Quang Chính - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Xem Phần VI, Mục 4.1.3

4.2.2 Bà Nguyễn Yến - Phó Tổng Giám đốc

Họ và Tên: NGUYỄN YẾN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 10/03/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại Học

Quá trình công tác:

- Từ 2003 đến 2007: Nhân viên kinh doanh của Xi Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản SaDec
- Từ 2007 đến 2014: Phó Trưởng Phòng Kinh Doanh Công ty Docifish
- Từ 2014 đến 2016: Trưởng BP Kinh Doanh CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2016 đến 2021: Giám Đốc của Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu
- Từ 2017 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu
- Từ 2021 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc của CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám Đốc